



LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI: “XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN PHỤC VỤ QUẢN LÝ NỘI BỘ Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG.”

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

<u>PHẦN I</u>	1
<u>SỰ CẦN THIẾT CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN VÀ THỰC TRẠNG BÁO CÁO KẾ TOÁN Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG</u>	5
<u>I- SỰ CẦN THIẾT CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH:</u>	5
<u>1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh du lịch :</u>	5
<u>2. Sự cần thiết của hệ thống báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp du lịch:</u>	6
<u>2.2.1 Khái niệm, đặc điểm của báo cáo bộ phận:</u>	6
<u>2.2.2 Một số khái niệm được sử dụng trong việc lập báo cáo bộ phận:</u>	7
<u>2.2.3 Các hình thức báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp du lịch :</u>	8
<u>2.2.3.1 Báo cáo bộ phận lập theo loại hình dịch vụ :</u>	8
<u>2.2.3.2 Báo cáo thu nhập toàn doanh nghiệp:</u>	9
<u>2.2.4 Tác dụng của báo cáo bộ phận:</u>	10
<u>II- THỰC TRẠNG VỀ BÁO CÁO KẾ TOÁN Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG:</u>	10
<u>A- Giới thiệu chung về Công Ty Du Lịch Việt Nam Tại Đà Nẵng:</u>	10
<u>I.Quá trình hình thành, phát triển, lĩnh vực kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của Công ty :</u>	10
<u>1. Quá trình hình thành và phát triển:</u>	10
<u>2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty :</u>	11
<u>3. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty :</u>	12
<u>II. Tổ chức quản lý ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng :</u>	13
<u>1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty :</u>	13

<u>2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:</u>	14
<u>III. Tổ chức công tác kế toán ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng :</u>	16
<u>1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty :</u>	16
<u>2.Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán:</u>	16
<u>3. Hình thức kế toán:</u>	18
<u>B- Thực trạng về hệ thống báo cáo kế toán ở công ty du lịch việt nam tại đà nẵng</u>	19
<u>I- Thực trạng công tác lập kế hoạch tại Công ty :</u>	19
<u>II- Hệ thống báo cáo kế toán ở các đơn vị trực thuộc:</u>	22
<u>1. Báo cáo kế toán hằng tuần:</u>	23
<u>2. Báo cáo chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh hằng quý:</u>	29
<u>2.1 Báo cáo chi phí:</u>	29
<u>2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :</u>	33
<u>III- Công tác thống kê tại Công ty :</u>	34
<u>1. Thống kê số khách, ngày khách :</u>	34
<u>2. Thống kê doanh thu:</u>	38
<u>IV- Nhận xét về hệ thống báo cáo kế toán của Công ty :</u>	40
<u>1. Ưu điểm:</u>	40
<u>2. Nhược điểm :</u>	40
<u>PHẦN II</u>	42
<u>XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN PHỤC VỤ QUẢN LÝ NỘI BỘ</u> <u>Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG</u>	42
<u>I. Xây dựng báo cáo bộ phận tại các khách sạn trực thuộc Công ty :</u>	42
<u>2 Lập báo cáo bộ phận:</u>	56
<u>II. Xây dựng báo cáo bộ phận tại các chi nhánh:</u>	58
<u>III. Xây dựng báo cáo bộ phận tại Xí nghiệp vận chuyển du lịch :</u>	60
<u>IV. Xây dựng báo cáo thu nhập toàn Công ty :</u>	64

KẾT LUẬN
TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN VÀ THỰC TRẠNG BÁO CÁO KẾ TOÁN Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG

I- SỰ CẦN THIẾT CỦA HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH:

1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh du lịch :

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, kết hợp với các hoạt động nghiên cứu đầu tư, thể thao, văn hoá xã hội... Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch có những đặc điểm cơ bản sau :

- Du lịch là ngành kinh doanh đặc biệt, hoạt động vừa mang tính sản xuất, kinh doanh vừa mang tính phục vụ văn hoá xã hội. Đây là ngành kinh tế kinh doanh nhiều loại hoạt động khác nhau như hoạt động hướng dẫn du lịch, vận tải du lịch, hàng ăn, hàng uống, buồng ngủ, kinh doanh hàng hoá, vật tư, đồ lưu niệm, xây dựng cơ bản và các hoạt động khác (điện thoại, nhiếp ảnh, tắm hơi, vật lý trị liệu, uốn tóc, giặt là, cho thuê đồ dùng...).

- Mỗi loại sản phẩm dịch vụ du lịch tạo ra có tính chất khác nhau nhưng nhìn chung đại bộ phận sản phẩm dịch vụ không có hình thái vật chất. Quá trình sản xuất dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm không thể tách rời nhau. Khách hàng mua sản phẩm dịch vụ du lịch trước khi nhìn thấy sản phẩm đó.

- Hoạt động kinh doanh du lịch mang tính thời vụ và bị ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường, điều kiện kinh tế - văn hoá - xã hội trong từng thời kỳ.

- Sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú, song từng bộ phận của sản phẩm lại có tính chất độc lập tương đối. Do đó, hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch thường được tổ chức trong các loại hình : kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú, kinh doanh vận chuyển du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch khác (tuyên truyền,

quảng cáo du lịch , tư vấn đầu tư xây dựng du lịch ...). Mỗi loại hình doanh nghiệp này đều nhằm mục đích tổ chức sản xuất kinh doanh và cung cấp các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Mỗi doanh nghiệp có thể tổ chức kinh doanh một hoặc một số hoạt động kinh doanh du lịch .

Các hoạt động kinh doanh du lịch bao gồm :

□ Hoạt động kinh doanh hướng dẫn du lịch : Là hoạt động chủ yếu phục vụ nhu cầu của khách tham quan các di tích lịch sử, công trình văn hoá, phong cảnh thiên nhiên...

□ Hoạt động kinh doanh vận chuyển: Gồm các hoạt động vận chuyển đường sắt, đường bộ, đường thủy.... nhằm đáp ứng yêu cầu đi lại của khách trong suốt thời gian tham quan du lịch .

□ Hoạt động kinh doanh buồng ngủ : Là hoạt động kinh doanh thuộc ngành khách sạn quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu khách lưu trú trong quá trình tham quan du lịch .

□ Hoạt động kinh doanh ăn, uống : Kinh doanh dịch vụ chế biến các món ăn, thức uống cho khách, chủ yếu là khách lưu trú và một bộ phận khách vãng lai khác.

□ Hoạt động kinh doanh hàng hoá : Đây là hoạt động kinh doanh các loại hàng lưu niệm và các loại hàng hoá khác nhằm đáp ứng nhu cầu khách du lịch .

□ Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác: Bao gồm các hoạt động vui chơi, giải trí massage, karaoke, giặt là, cắt tóc, tắm hơi, đặt vé máy bay... đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách, tạo điều kiện thuận lợi cho khách trong suốt thời gian du lịch . Mặt khác, đây cũng là các hoạt động góp phần tăng thu nhập đáng kể cho ngành du lịch.

2. Sự cần thiết của hệ thống báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp du lịch:

2.2.1 Khái niệm, đặc điểm của báo cáo bộ phận:

Báo cáo bộ phận là báo cáo so sánh doanh thu và chi phí của từng bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm xác định kết quả kinh doanh của từng bộ phận trong tổ chức.

Báo cáo bộ phận có những đặc điểm sau:

- Báo cáo bộ phận được lập theo phương pháp biến phí, nghĩa là toàn bộ chi phí phát sinh của bộ phận đều phải được tách ra thành biến phí và định phí. Doanh thu của bộ phận sẽ được so sánh lần lượt với biến phí rồi đến định phí.

- Báo cáo bộ phận phản ánh kết quả kinh doanh của toàn bộ tổ chức và các bộ phận chủ yếu trong tổ chức.

- Báo cáo bộ phận được lập nhằm mục đích sử dụng trong nội bộ tổ chức.

- Bộ phận có thể là một phân, một khu vực, một đơn vị, một phòng ban hay một mặt nào đó trong tổ chức, cho nên kết quả kinh doanh ở từng bộ phận không phải lúc nào cũng gắn với trách nhiệm của giám đốc bộ phận.

2.2.2 Một số khái niệm được sử dụng trong việc lập báo cáo bộ phận:

- Chi phí khả biến (biến phí): Là những mục chi phí thay đổi tỷ lệ với mức độ hoạt động của đơn vị. Tổng số của chi phí khả biến sẽ tăng khi mức độ hoạt động tăng. Tuy nhiên, nếu tính trên 1 đơn vị của mức độ hoạt động thì chi phí khả biến lại không đổi.

Ví dụ: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ ăn, ngủ, uống pha chế, chi phí hoa hồng môi giới...

- Chi phí bất biến (định phí): Là những chi phí mà tổng số của nó không đổi khi mức độ hoạt động thay đổi.

Ví dụ: Chi phí khấu hao máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng, chi phí chi phí tuyên truyền quảng cáo....

- *Chi phí hỗn hợp*: Là chi phí bao gồm cả yếu tố định phí và biến phí. Trong báo cáo bộ phận, chi phí này phải được phân tích thành hai phần : biến phí và định phí.

Ví dụ : Chi phí điện thoại là chi phí hỗn hợp. Trong đó: Định phí là chi phí thuê bao cố định hằng tháng, biến phí là mức phí điện thoại tính trên số lần gọi.

- Số dư đảm phí : Là chênh lệch giữa doanh thu và biến phí. Số dư đảm phí sau khi bù đắp định phí, phần dôi ra chính là lợi nhuận. Chỉ tiêu này có ý nghĩa quan trọng trong việc dự đoán mức thay đổi của lợi nhuận khi thay đổi số lượng sản phẩm tiêu thụ với một đơn giá bán và biến phí đơn vị không đổi. Tuy nhiên, do đặc thù của sản phẩm du lịch là có nhiều mức biến phí và đơn giá bán khác nhau với cùng một loại sản phẩm nên việc sử dụng chỉ tiêu này để dự đoán lợi nhuận là rất khó khăn.

- Tỷ lệ số dư đảm phí : Là tỷ lệ phần trăm của số dư đảm phí tính trên doanh thu. Khi doanh thu thay đổi thì lợi nhuận sẽ thay đổi một mức bằng tỷ lệ số dư đảm phí nhân với lượng thay đổi của doanh thu. Đây là chỉ tiêu có ý nghĩa quan trọng đối với nhà quản trị doanh nghiệp du lịch trong việc dự đoán sự thay đổi của lợi nhuận trước những quyết định của mình.

2.2.3 Các hình thức báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp du lịch :

2.2.3.1 Báo cáo bộ phận lập theo loại hình dịch vụ :

Hiện nay, các doanh nghiệp du lịch, đặc biệt là các khách sạn thường là đơn vị kinh doanh nhiều loại hình dịch vụ : dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ khác (cắt tóc, massage, karaoke...). Việc lập báo cáo bộ phận theo dịch vụ sẽ giúp nhà quản lý đánh giá được phần đóng góp của mỗi bộ phận dịch vụ trong kết quả chung là bao nhiêu, để từ đó có các biện pháp quản lý cho phù hợp.

Sau đây là mẫu báo cáo bộ phận xây dựng cho doanh nghiệp kinh doanh khách sạn :

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Đơn vị :....

Quý năm....

Bộ phận Chỉ tiêu	Lưu trú	Hàng ăn	Toàn khách sạn
1. Doanh thu				
2. Biến phí				
3. Số dư đảm phí				
4. Định phí bộ phận				
5. Lợi nhuận bộ phận				
6. Định phí chung				
7. Lợi nhuận thuần				
8. Tỷ lệ số dư đảm phí				

2.2.3.2 Báo cáo thu nhập toàn doanh nghiệp:

Báo cáo này được xây dựng cho các doanh nghiệp du lịch có nhiều đơn vị trực thuộc kinh doanh một hay nhiều hoạt động khác nhau. Số liệu phản ánh trên báo cáo này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các báo cáo bộ phận do các đơn vị trực thuộc lập và gửi về định kỳ theo mẫu trên.

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN CÔNG TY

Quý năm....

Đơn vị Chỉ tiêu	Khách sạn A	Chi nhánh B	Toàn công ty
1. Doanh thu				
2. Biến phí				
3. Số dư đảm phí				
4. Định phí bộ phận				
5. Lợi nhuận bộ phận				
6. Định phí chung				
7. Lợi nhuận thuần				

8. Tỷ lệ số dư đảm phí				
------------------------	--	--	--	--

2.2.4 Tác dụng của báo cáo bộ phận:

Báo cáo bộ phận rất cần thiết cho người quản lý trong việc phân tích kết quả hoạt động của các bộ phận trong tổ chức, đánh giá thành quả của bộ phận và người quản lý ở từng bộ phận cũng như trên phạm vi toàn doanh nghiệp. Thông qua phân tích báo cáo bộ phận, có thể xác định được các mặt tồn tại và các khả năng còn tiềm ẩn ở từng bộ phận trong tổ chức, từ đó có các biện pháp khắc phục, các phương án hoạt động cũng như các quyết định kinh tế thích hợp.

II- THỰC TRẠNG VỀ BÁO CÁO KẾ TOÁN Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG:

A- Giới thiệu chung về Công Ty Du Lịch Việt Nam Tại Đà Nẵng:

I. Quá trình hình thành, phát triển, lĩnh vực kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của Công ty :

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Sau ngày giải phóng đất nước, bên cạnh việc quan tâm đầu tư phát triển 2 ngành kinh tế mũi nhọn là Công nghiệp và Nông nghiệp, Đảng và Nhà nước ta cũng bắt đầu quan tâm đến việc xây dựng và phát triển ngành du lịch - một ngành kinh tế còn khá mới mẻ trong tình hình mới của đất nước. Trong chiến lược phát triển ngành du lịch lúc bấy giờ, ngoài việc thành lập Tổng cục du lịch, Chính phủ cũng chỉ đạo việc thành lập một số Công ty du lịch, trong đó có Công ty du lịch Quảng Nam Đà Nẵng - ra đời vào ngày 30/5/1975 , trực thuộc sự quản lý của Tổng cục du lịch. Hoà theo tình hình chung của đất nước, cơ sở vật chất của Công ty trong giai đoạn này còn khá nghèo nàn, lạc hậu.

Từ khi nền kinh tế đất nước chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường thì số lượng các Doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp du lịch ra đời ngày càng nhiều, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt. Trước tình hình đó, nhằm gia tăng tính độc lập giữa các bộ phận trong Công

ty, thực hiện nhiệm vụ trong thời kỳ mới, Tổng cục du lịch đã ra quyết định tách bộ phận lữ hành của Công ty thành lập chi nhánh Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng, tách khu du lịch Non Nước thành Công ty khách sạn Non Nước và tách khách sạn Thái Bình Dương thành Công ty khách sạn Thái Bình Dương. Từ ngày 01/10/1999, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, Tổng cục du lịch tiếp tục ra quyết định tách khách sạn Phương Đông trực thuộc Công ty, thành lập Công ty cổ phần khách sạn Phương Đông, đồng thời hợp nhất Công ty du lịch Quảng Nam - Đà Nẵng và chi nhánh Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng thành Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng với tên giao dịch quốc tế là VITOURS, có trụ sở tại 83 - Nguyễn Thị Minh Khai- Đà Nẵng.

Kể từ ngày thành lập đến nay đã gần 30 năm, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mặc dù gặp không ít những khó khăn, thách thức từ sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, đặc biệt là từ sự biến động của các nhân tố thuộc môi trường du lịch như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... nhưng nhờ sự chủ động đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch cùng với các hoạt động quảng bá thu hút thách trong nước và quốc tế, vị thế và uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, lợi nhuận thu được ngày càng tăng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện.

Sau đây là một số chỉ tiêu đánh giá khái quát kết quả hoạt động của Công ty qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2002	Năm 2003
1. Tổng doanh thu (đồng)	52.393.139.633	52.213.762.593
2. Lợi nhuận sau thuế (đồng)	143.318.970	223.970.120
3. Thu nhập bình quân tháng (đồng)	1.496.223	1.534.942
4. Nộp ngân sách (đồng)	2.500.000.000	2.960.965.004

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty :

Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ du lịch, thương mại (lữ hành, vận chuyển, ăn uống, vui chơi, giải trí, hướng dẫn du lịch, phiên dịch, các dịch vụ khác).
- Kinh doanh du lịch quốc tế.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, karaoke, massage.
- Giặt là và sản xuất nước lọc.

Trong đó, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh lữ hành, hướng dẫn và dịch vụ lưu trú. Các lĩnh vực kinh doanh còn lại nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch và gia tăng doanh thu, tận dụng nguồn vốn.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty :

(Trích văn bản quản lý doanh nghiệp của Công ty)

a) Chức năng:

Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng (Vietnamtourism - Vitours) có đầy đủ tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp và phân cấp quản lý của Tổng cục du lịch, từng bước chuyển đổi doanh nghiệp sang công ty TNHH một thành viên, cổ phần hoá từng bộ phận, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước, đa dạng hoá sở hữu, đa dạng hoá ngành nghề và sản phẩm; Thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh tổng hợp phù hợp với cơ chế thị trường nhằm mục đích sinh lợi, bảo đảm cho doanh nghiệp ổn định và phát triển bền vững.

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh, chiến lược sản phẩm, chính sách thị trường và khách hàng của Công ty .

- Xây dựng và quyết định bộ máy tổ chức - nhân sự, ban hành các tiêu chuẩn chức danh nghiệp vụ, cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi nâng bậc, ngạch lương đối với cán bộ, viên chức lao động và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Qui hoạch, xây dựng, lập các dự án và quyết định đầu tư phát triển, liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh, cổ phần, bán khoán, cho thuê... tài sản của doanh nghiệp theo qui định của pháp luật.

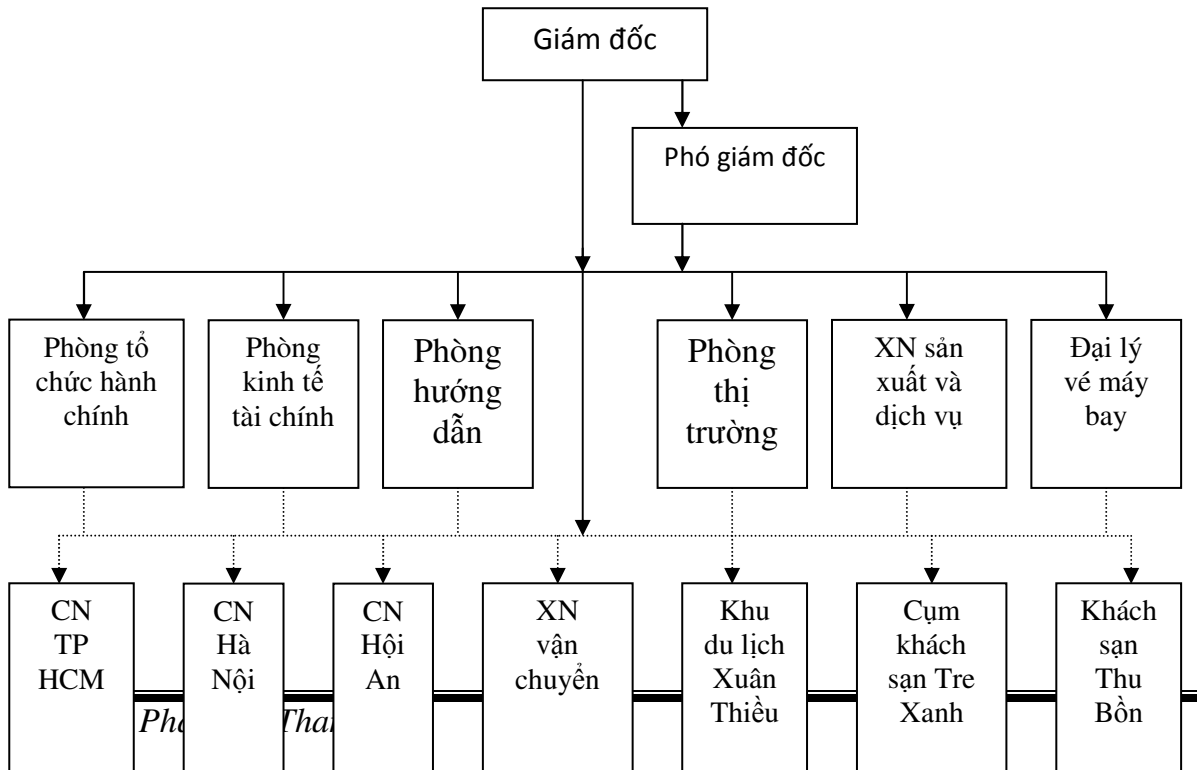
- Thực hiện chức năng đối ngoại trong và ngoài nước phục vụ hoạt động kinh doanh có hiệu quả của Công ty.

- Tổ chức hạch toán hoạt động kinh doanh và công bố tài chính của Công ty theo qui định của Nhà nước.

- Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh đối với các đơn vị cơ sở, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

II. Tổ chức quản lý ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng :

1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty :



—→ : Quan hệ trực tuyến

.....→ : Quan hệ chức năng

2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- Giám đốc: Là người có quyền điều hành cao nhất trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng cục du lịch và Pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trình hoặc tham gia ý kiến với Tổng cục du lịch, các cơ quan chức năng của Nhà nước về các vấn đề có liên quan đến ngành du lịch, thực hiện công tác đối nội, đối ngoại.

- Phó giám đốc : Là người giúp việc cho giám đốc, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ được giao và chương trình công tác của Công ty. Hiện nay, tại Công ty có 3 Phó giám đốc: 1 Phó giám đốc phụ trách tài chính, 1 Phó giám đốc phụ trách dịch vụ kiêm giám đốc khu du lịch Xuân Thiều, 1 Phó giám đốc kiêm giám đốc chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

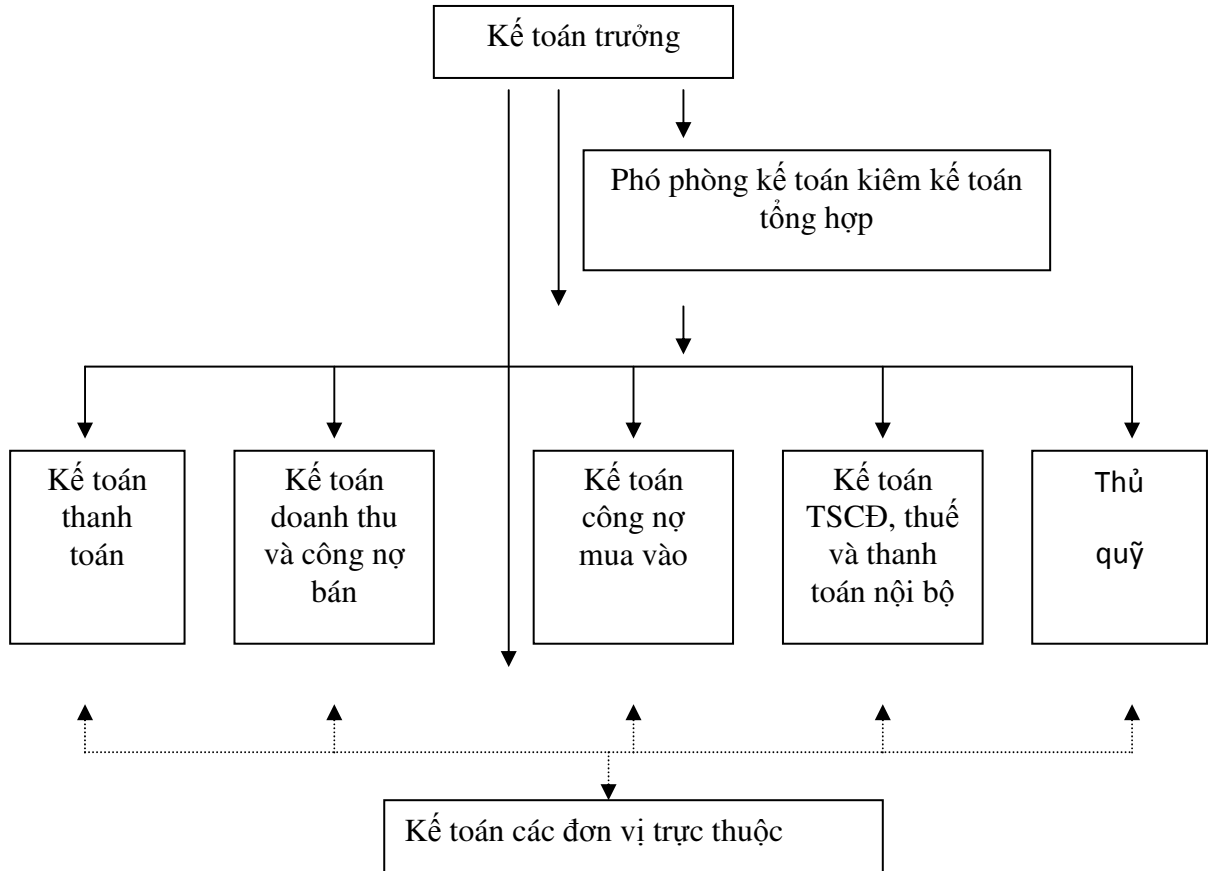
- Phòng tổ chức hành chính: Có chức năng tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân viên, giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động. Hằng kỳ, phòng tổ chức hành chính tập hợp các bảng chấm công của các phòng để tính lương cho cán bộ công nhân viên tại văn phòng Công ty.

- Phòng kinh tế tài chính: Tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động tài chính, tín dụng, công tác hạch toán kế toán. Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế trong toàn Công ty. Lập báo cáo quyết toán tài chính theo qui định của Nhà nước và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hằng năm.

- Phòng hướng dẫn: Triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh dịch thuật, hướng dẫn du lịch theo qui định của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về hoạt động kinh doanh hướng dẫn, dịch thuật.
- Phòng thị trường: Xây dựng kế hoạch kinh doanh lữ hành; nghiên cứu thị trường du lịch, xây dựng các tour du lịch phù hợp để thu hút khách Việt Nam cũng như khách quốc tế; tăng cường quảng bá du lịch trên thị trường trong và ngoài nước.
- Các khách sạn: Tổ chức dịch vụ lưu trú, phục vụ ăn uống; tổ chức hội nghị, hội thảo, tiệc cưới theo các hợp đồng của Công ty ký kết cũng như với các hợp đồng do khách sạn chủ động tìm kiếm. Hiện nay, trực thuộc Công ty quản lý gồm có khách sạn Thu Bồn, khu du lịch Xuân Thiều và cụm khách sạn Tre Xanh bao gồm 3 khách sạn: Tre Xanh trung tâm, Tre Xanh bên sông, Tre Xanh bên cảng.
- Các chi nhánh: Bao gồm chi nhánh TP Hồ Chí Minh, chi nhánh Hà Nội, chi nhánh Hội An có chức năng thay mặt Công ty khai thác nguồn khách du lịch, ký kết hợp đồng, tổ chức các tour du lịch phục vụ nhu cầu của khách trên địa bàn chi nhánh trực thuộc.
- Xí nghiệp vận chuyển: Thực hiện nhiệm vụ đưa đón khách bằng đường bộ theo các tour du lịch trong nước, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, các loại máy móc thiết bị khác của đơn vị và của khách hàng theo hợp đồng.
- Đại lý vé máy bay: Là một đại lý của hãng hàng không Vietnam Airlines, phòng vé máy bay Công ty có chức năng bán vé cho các khách hàng có nhu cầu trong thành phố cũng như cho các tour du lịch của Công ty.
- Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ: Đây là xí nghiệp sản xuất nước uống tinh khiết, được Công ty thành lập vào năm 2002, cung cấp nước uống cho khách du lịch của Công ty, đồng thời cũng được bán ra trên thị trường. Hiện nay, xí nghiệp này được Công ty giao khoán cho một đơn vị tư nhân khác.

III. Tổ chức công tác kế toán ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng :

1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty :



—————> : Quan hệ trực tuyến

.....> : Quan hệ chức năng

2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán:

- Kế toán trưởng: Theo qui định tại văn bản quản lý doanh nghiệp của Công ty, kế toán trưởng Công ty có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty, pháp luật Nhà nước trong việc điều hành, quản lý tài chính, công tác hạch toán kế toán, thống kê của doanh nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch tài chính của Công ty.
 - Tổ chức công tác hạch toán kế toán, phân tích hoạt động kinh tế, xác định hiệu quả kinh doanh trong toàn Công ty .
 - Hướng dẫn nghiệp vụ và công tác kiểm tra công tác hạch toán kế toán của các đơn vị trực thuộc.
- Phó phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp: Có chức năng trợ giúp kế toán trưởng điều hành hoạt động tài chính kế toán trong công ty, thay mặt kế toán trưởng giải quyết các vấn đề về tài chính khi kế toán trưởng đi vắng. Tổng hợp số liệu từ các kế toán phần hành, lên Sổ Cái, lập các báo cáo tài chính vào cuối kỳ.
 - Kế toán thanh toán: Theo dõi, phản ánh tình hình biến động tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại Công ty. Lập các chứng từ thanh toán theo qui định của Nhà nước. Định kỳ, kết hợp với thủ quỹ, cán bộ ngân hàng để đối chiếu số dư các tài khoản tiền.
 - Kế toán doanh thu và công nợ bán: Hạch toán, theo dõi doanh thu, công nợ phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ tại Công ty. Hiện nay tại Công ty có 4 kế toán phụ trách phần hành này, bao gồm 3 kế toán phụ tách theo dõi ở các phòng thị trường 1, 2, 3 và 1 kế toán theo dõi ở phòng vé.
 - Kế toán công nợ mua vào: Hạch toán, theo dõi, đối chiếu các khoản nợ phát sinh trong quá trình mua vào.
 - Kế toán TSCĐ, thuế và thanh toán nội bộ: Phụ trách việc theo dõi, hạch toán tình hình biến động về TSCĐ trong Công ty, định kỳ trích lập khấu hao, lập báo cáo thuế, theo dõi các khoản thanh toán nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc.
 - Thủ quỹ: Có chức năng thu, chi, bảo quản tiền mặt, theo dõi và đối chiếu số dư tài khoản tiền mặt tại quỹ khi cần thiết.
 - Kế toán các đơn vị trực thuộc: Có nhiệm vụ tổ chức công tác hạch toán kế toán phát sinh tại đơn vị. Định kỳ, kế toán các đơn vị cơ sở lập và nộp các báo cáo về

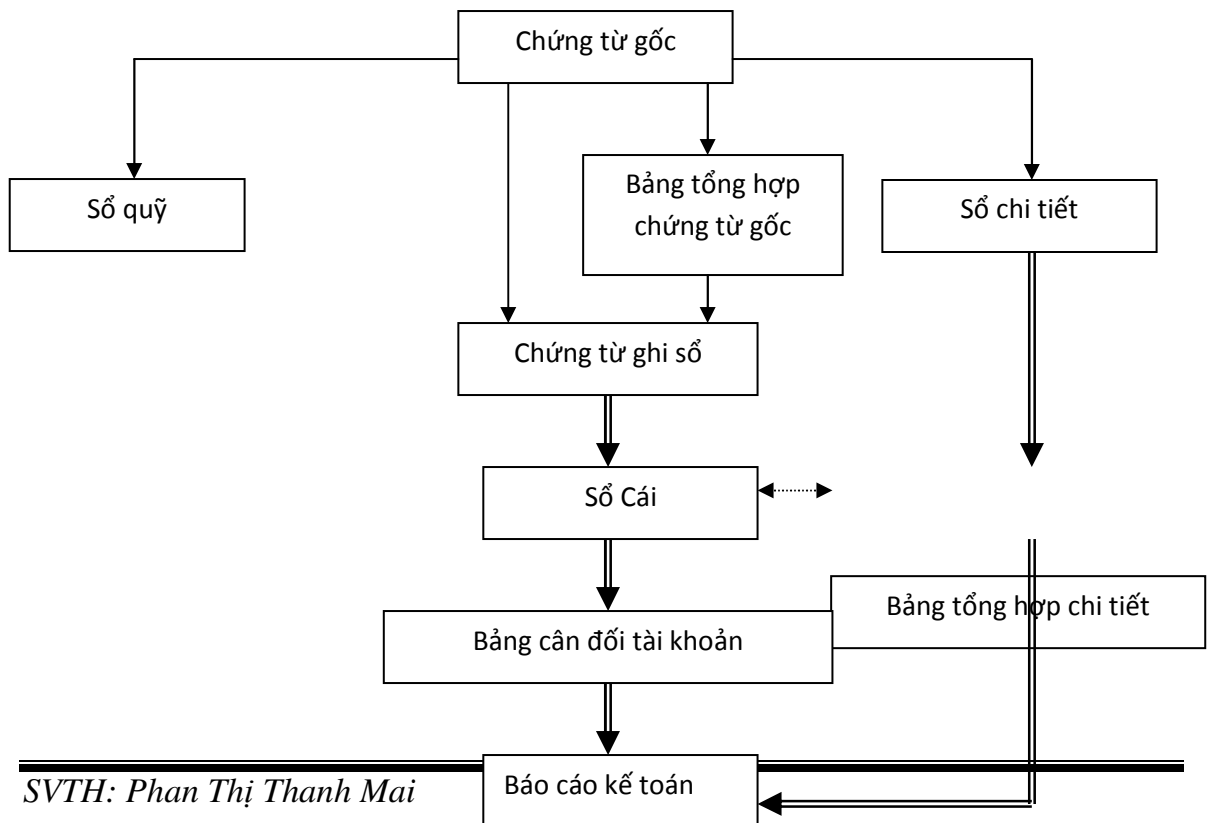
tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị cho Công ty để kế toán Công ty tổng hợp và xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho toàn Công ty.

3. Hình thức kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán máy được cài đặt sẵn tại Công ty.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán các phần hành có liên quan tiến hành định khoản và nhập số liệu vào các Chứng từ ghi sổ hoặc các Bảng tổng hợp chứng từ gốc (là các bảng kê) và các Sổ chi tiết. Định kỳ, theo chương trình kế toán máy được cài đặt sẵn, số liệu được nhập trong kỳ sẽ được kết chuyển tự động để kế toán in ra các Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, kế toán sẽ tiến hành đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái với Bảng tổng hợp chi tiết và lập Bảng cân đối tài khoản, các Báo cáo kế toán vào cuối quý.

Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty được thể hiện như sau:



- : Nhập hằng ngày
- ====→ : Lập, in vào cuối kỳ
- ←.....→ : Quan hệ đối chiếu

B- Thực trạng về hệ thống báo cáo kế toán ở công ty du lịch việt nam tại đà nẵng

I- Thực trạng công tác lập kế hoạch tại Công ty :

Hằng năm, vào khoảng đầu tháng 11, các đơn vị trực thuộc căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị trong 10 tháng trước và ước dự kiến tình hình trong 2 tháng còn lại trong năm tiến hành lập báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và xây dựng kế hoạch trong năm tới. Cụ thể, các khách sạn xây dựng kế hoạch doanh thu của từng loại hình dịch vụ : ăn, ngủ, uống pha chế, kế hoạch số khách, ngày khách. Các chi nhánh xây dựng kế hoạch doanh thu của hoạt động lữ hành. Xí nghiệp vận chuyển du lịch lập kế hoạch số km vận doanh và doanh thu trong năm tới.

Ở Công ty, sau khi nhận được chỉ tiêu về doanh thu trong năm tới của Tổng cục du lịch , Công ty căn cứ vào khả năng sản xuất kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc và kết quả sản xuất kinh doanh trong năm qua của các đơn vị, lập chỉ tiêu doanh thu cụ thể cho từng đơn vị.

Sau đó, đại diện đơn vị và đại diện Công ty sẽ tiến hành bảo vệ các chỉ tiêu kế hoạch đã đưa ra để hai bên đi đến một kế hoạch thống nhất. Dựa trên kế hoạch

thông nhất này, giám đốc Công ty ra các quyết định về các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện trong năm đến cho từng đơn vị. Các đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch đề ra, Công ty thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị. Trong năm, nếu có những sự cố bất thường xảy ra (thiên tai, dịch bệnh...) ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch, các đơn vị sẽ đề nghị Công ty điều chỉnh lại các chỉ tiêu để kế hoạch mang tính khả thi.

Dưới đây là toàn bộ kế hoạch doanh thu, số khách, ngày khách của các đơn vị trực thuộc trong năm 2004:

KẾ HOẠCH NĂM 2004

KHỐI LỬ HÀNH

Đơn vị	Kế hoạch doanh thu
CHI NHÁNH HỘI AN	1.000.000.000
Quốc tế tự nhận lại và khai thác trong nước	780.000.000
Khách trong nước	150.000.000
Việt Nam đi du lịch nước ngoài	70.000.000
CN HÀ NỘI	5.000.000.000
* Khách quốc tế	2.000.000.000
Từ nước ngoài vào VN	1.500.000.000
Tự khai thác	150.000.000
Nhận lại	350.000.000
* Khách trong nước	300.000.000
* Việt Nam đi du lịch nước ngoài	2.700.000.000
.....
CỘNG KHỐI LỬ HÀNH	26.650.000.000

KẾ HOẠCH NĂM 2004

XÍ NGHIỆP VẬN CHUYỂN DU LỊCH

Hoạt động	Số Km vận doanh	Doanh thu
------------------	------------------------	------------------

1. Vận chuyển	400.800	2.350.000.000
- Xe xí nghiệp	360.800	2.115.000.000
- Xe thuê ngoài	40.000	115.000.000
2. KD dịch vụ khác		180.000.000

KẾ HOẠCH NĂM 2004
KHỐI DỊCH VỤ

Đơn vị	Kế hoạch			
	Số khách	Ngày khách	Công suất buồng(%)	Doanh thu
TRE XANH TRUNG TÂM	13.000	18.000	65	7.200.000.000
Ngủ	13.000	18.000	65	3.900.000.000
Ăn				1.750.000.000
Pha chế				125.000.000
Hàng hoá				525.000.000
Massage				355.000.000
Điện thoại, fax				245.000.000
Khác				300.000.000
TRE XANH BÊN CẢNG	11.484	14.500	64,9	4.000.000.000
Ngủ	11.484	14.500	64,9	1.865.000.000
Ăn				955.000.000
Pha chế				60.000.000
Hàng hoá				310.000.000
Massage				86.000.000
Điện thoại, fax				648.000.000
Khác				75.000.000

TRE XANH BÊN SÔNG	6.100	12.193	80,00	3.000.000.000
Ngủ	6.100	12.193	80	1.583.000.000
Ăn				600.000.000
Pha chế				67.500.000
Hàng hoá				225.000.000
Điện thoại,fax				364.000.000
Massage				80.000.000
Khác				80.000.000
THU BỒN	10.302	17.385	83,00	4.400.000.000
Ngủ	10.302	17.385	83	1.430.000.000
Ăn				610.000.000
Hàng hoá				500.000.000
Massage				1.650.000.000
Điện thoại,fax				180.000.000
Khác				30.000.000
XUÂN THIỀU	9.532	9.638	85,00	4.170.000.000
Ngủ	9.532	9.638	85	520.000.000
Ăn				200.000.000
Hàng hoá				1.653.000.000
Massage				1.690.000.000
Điện thoại,fax				24.000.000
Khác				83.000.000
.....
CỘNG DỊCH VỤ				25.390.000.000
CỘNG LỮ HÀNH				26.650.000.000
CỘNG (LỮ HÀNH+DỊCH VỤ)				52.040.000.000

II- Hệ thống báo cáo kế toán ở các đơn vị trực thuộc:

Theo qui định của Công ty, định kỳ hằng tuần, các đơn vị trực thuộc gửi báo cáo doanh thu về Công ty để kế toán Công ty theo dõi và tiến hành lập báo cáo

thông kê 2 tuần, 3 tuần, tháng quý... trên toàn đơn vị. Đến cuối quý, các đơn vị này phải gửi hệ thống báo cáo tài chính và các báo cáo khác về Công ty.

Trong đó, hệ thống báo cáo tài chính bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán .
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .
- Thuyết minh báo cáo tài chính .

Các báo cáo khác bao gồm :

- Bảng cân đối số phát sinh .
- Bảng kê nộp ngân sách .
- Báo cáo chi tiết công nợ nội bộ .
- Bảng đối chiếu công nợ nội bộ .
- Báo cáo km vận doanh .

.....

Qua thực tế tìm hiểu tại Công ty, em nhận thấy mẫu các báo cáo của khối khách sạn, khối chi nhánh và xí nghiệp vận chuyển du lịch là tương đối giống nhau trong từng khối. Do đó, toàn bộ các báo cáo của các đơn vị trực thuộc được trình bày dưới đây sẽ được minh họa qua mẫu báo cáo của Khu du lịch Xuân Thiều (đại diện cho khối khách sạn), Chi nhánh Hà Nội (đại diện cho khối chi nhánh) và Xí nghiệp vận chuyển du lịch .

1. Báo cáo kế toán hằng tuần:

Hằng tuần, các đơn vị trực thuộc gửi báo cáo doanh thu về Công ty theo mẫu sau:

KHU DU LỊCH XUÂN THIỀU

BÁO CÁO THỐNG KÊ TUẦN 3 THÁNG 11 NĂM 2003

Từ 17/11 đến 23/11/ 2004

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu tuần	Luỹ kế tháng	Luỹ kế năm
-----------------	-----------------------	---------------------	-------------------

1. Số khách	248	609	2.612
Quốc tế	0	0	0
Nội địa	248	609	2.612
2. Ngày khách	253	626	2.659
Quốc tế	0	0	0
Nội địa	253	626	2.659
Khách nghỉ ngày	220	528	2.222
Khách nghỉ đêm	33	98	437
3. Công suất buồng	71%	68%	70%
4. Tổng doanh thu	70.513.692	171.715.594	712.078.668
- Hàng hoá	25.264.991	63.347.254	217.398.082
- Ngủ	9.045.410	22.408.979	99.149.510
- Massage	35.327.380	84.718.458	367.642.164
- Điện thoại	421.366	786.358	5.543.790
- Khác	454.545	454.545	22.345.122

XÍ NGHIỆP VẬN CHUYỂN DU LỊCH

BÁO CÁO THỐNG KÊ DOANH THU NĂM 2003

Từ ngày 17/11 đến ngày 23/11/2003

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu tuần	Luỹ kế tháng	Luỹ kế năm
Km vận doanh	15.004	26.872	108.298
Tổng doanh thu	75.690.909	150.190.909	544.120.396
Trong đó: a) Vận chuyển	74.360.000	148.860.000	514.186.659

- Xe xí nghiệp.	54.000.000	106.500.000	430.293.329
- Xe ngoài	20.360.000	42.360.000	83.893.330
b) Khác	1.330.909	1.330.909	6.458.454
c) Lũ hành	0		23.360.810
d) Tài chính	0		87.363

CHI NHÁNH HÀ NỘI

BÁO CÁO THỐNG KÊ DOANH THU LỮ HÀNH TUẦN 3 THÁNG 11 NĂM 2003

Từ ngày 17/11 đến ngày 23/11/2003

ĐVT : đồng

Đối tượng khách	Thực hiện tuần 3/11/203			Luỹ kế tháng 11			Luỹ kế năm		
	Số khách	Ngày khách	Doanh thu	Số khách	Ngày khách	Doanh thu	Số khách	Ngày khách	Doanh thu
1. Khách quốc tế	34	190	430.930.928	104	470	1.520.510.690	335	1170	2.399.203.383
* Từ nước ngoài vào Việt Nam	28	130	476.541.228	47	262	1.232.272.999	225	671	1.960.531.200
Quốc tịch Pháp	12	96	273.479.089	27	154	626.140.125	136	452	1.213.060.541
Quốc tịch Mỹ	5	10	116.743.035	5	10	116.743.035	28	38	340.966.228
Quốc tịch Thái	11	24	86.319.104	15	98	489.389.839	61	181	406.504.431
.....									
* Tự khai thác	6	60	45.610.300	37	118	203.726.923	50	356	270.364.499
* Nhận lại	0	0	0	20	90	84.510.768	60	143	168.307.684
2. Khách du lịch nội địa	0	0	0	1	4	5.322.273	354	1408	875.231.647
Tự khai thác	0	0	0	0	0	0	324	1256	695.640.126
Tiếp nhận từ Công ty	0	0	0	1	4	5.322.273	30	152	179.591.571
3.VN đi du lịch nước ngoài	25	230	683.421.000	72	336	656.979.035	109	639	950.718.706
Thái Lan	0	0	0	47	106	373.558.035	54	380	598.764.840

Trung Quốc	25	230	683.421.000	25	230	283.421.000	55	259	357.953.866
.....
Tổng cộng	59	420	855.372.528	177	910	2.182.811.998	898	4217	4.225.153.736

2. Báo cáo chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh hằng quý:

2.1 Báo cáo chi phí:

Nếu như doanh thu khi phát sinh trong kỳ đều được các đơn vị trực thuộc lập báo cáo hằng tuần gửi về Công ty, thì chi phí sản xuất kinh doanh tại các đơn vị chỉ được báo cáo 1 lần duy nhất vào cuối mỗi quý khi đơn vị lập báo cáo quyết toán gửi về Công ty .

Dưới đây là toàn bộ chi phí phát sinh trong quý 4 năm 2003 của các đơn vị trực thuộc:

KHU DU LỊCH XUÂN THIỀU

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

QUÝ 4 NĂM 2003

Mã số	Yếu tố chi phí	Kỳ này
101	Nguyên vật liệu trực tiếp	1.577.500
102	Nhiên liệu	17.719.988
103	Phụ tùng, xăm lốp, ắc qui	16.958.000
104	Phân bổ CCDC Công ty quản lý	12.556.492
105	Phân bổ CCDC đơn vị quản lý	0
106	Án phẩm tuyên truyền quảng cáo	5.724.070
107	Trang phục, bảo hộ lao động	170.000
108	Văn phòng phẩm	0
109	Vật liệu khác	0
201	- Tiền lương hợp đồng công nhật	26.151.000
	- Tiền lương hợp đồng dài hạn	81.043.318
202	Tiền ăn ca	25.790.800
203	BHXH	7.249.710
	BHYT	966.628

	KPCĐ	2.143.886
301	Khấu hao TSCĐ hữu hình	56.080.898
302	Khấu hao TSCĐ vô hình	0
401	Chi phí điện	44.292.645
402	Chi phí nước	0
403	Điện thoại, fax, email	4.890.745
409	Chi phí thuê ngoài khác	0
501	Công tác phí	0
502	Giặt là, vệ sinh	9.092.536
503	Hội nghị, tiếp khách	3.576.695
504	Sửa chữa tài sản	14.235.563
506	Tiền thuê nhà, đất	25.000.000
513	Nhân công trực tiếp dịch vụ massage	126.852.400
519	Chi phí bằng tiền khác	13.948.545
	Lãi vay	17.978.571
	Giá vốn hàng hoá	159.210.447
	Chi phí hoạt động khác	0
	Tổng cộng	673.210.437

CHI NHÁNH HÀ NỘI**CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

QUÝ 4 NĂM 2003

Mã số	Yếu tố chi phí	Kỳ này
1	Lương	23.856.720
2	BHXH	2.223.720
3	Chi phí điện	709.870

4	Chi phí nước	90.990
5	Hoa hồng	0
6	Chi phí văn phòng phẩm	961.728
7	Chi phí tiếp khách	3.338.971
8	Chi phí khác	1.929.539
9	Chi phí dịch vụ lữ hành	2.055.154.342
10	Chi phí bất thường	4.356.564
11	Công tác phí	27.677.542
12	Internet, email	672.660
13	Chi phí tuyên truyền, quảng cáo	2.272.700
14	Khấu hao TSCĐ	5.395.482
15	Phân bổ chi phí CCDC	2.159.677
16	Chi phí tiền ăn giữa ca	4.414.245
17	Chi phí vận chuyển	1.108.965.130
18	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.207.000
19	BHYT	452.828
20	KPCĐ	477.135
21	Chi phí học tập, đào tạo	0
22	Bảo hiểm tài sản, khách	5.002.320
23	Trang phục bảo hộ lao động	0
24	Trích dự phòng trợ cấp mất việc làm	617.787
Tổng cộng		3.265.117.058

XÍ NGHIỆP VẬN CHUYỂN DU LỊCH

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

QUÝ 4 NĂM 2003

Mã số	Yếu tố chi phí	Số tiền
1	Nhiên liệu	110.524.995
2	Phụ tùng thay thế, xăm lốp, bình điện	13.179.988
3	CCDC Công ty quản lý	180.000
4	CCDC đơn vị quản lý	904.904
5	Chi phí văn phòng phẩm	2.405.945
6	Vật liệu khác	16.865.497
7	Tiền lương	96.743.081
8	Tiền ăn ca	16.724.600
9	BHXH	10.763.640
10	BHYT	1.435.152
11	KPCĐ	1.934.462
12	Khấu hao TSCĐ	77.104.030
13	Điện	3.860.680
14	Nước	263.412
15	Điện, thoại, fax	7.040.068
16	Chi phí thuê hướng dẫn	93.674.113
17	Công tác phí	23.468.905
18	Tiếp khách - Hội nghị khách hàng	8.770.770
19	Sửa chữa TSCĐ	11.635.000
20	Tiền thuê đất	4.000.000
21	Chi phí cầu đường, sân bay, gửi xe	31.741.619
22	Chi phí bằng tiền khác	5.115.418
23	23. Lãi vay	586.964
Tổng cộng		538.923.243

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :

Định kỳ hằng quý, các đơn vị trực thuộc lập báo cáo quyết toán về tình hình sản xuất kinh doanh trong đơn vị gửi về Công ty, trong đó có Báo cáo chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh, phản ánh doanh thu, giá vốn, lãi lỗ của từng hoạt động trong mỗi đơn vị. Dưới đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Khu du lịch Xuân Thiều và Xí nghiệp vận chuyển du lịch :

KHU DU LỊCH XUÂN THIỀU**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÍ 4 NĂM 2003**

Hoạt động SXKD	Doanh thu	Thuế TTĐB	Giá vốn hàng bán, dịch vụ	Chi phí bán hàng	Lãi (lỗ)
I. HĐ kinh doanh	819.282.217	73.841.665	607.117.646	48.070.312	90.252.594
KD ngủ	109.681.311		93.132.302		16.549.009
KD massage & karaoke	443.050.000	73.841.665	317.637.066		51.571.269
KD hàng hoá	223.690.485		159.210.447	48.070.312	16.409.726
KD khác	42.860.421		37.137.931		5.722.590
II. Hoạt động khác	313.396		18.022.479		-17.709.089
HĐ tài chính	312.909		18.022.479		-17.709.570
HĐ bất thường	481				481
Tổng cộng (I+II)	819.595.607	73.841.665	625.140.125	48.070.312	72.543.505

XÍ NGHIỆP VẬN CHUYỂN DU LỊCH

BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 4 NĂM 2003

Hoạt động SXKD	Doanh thu	Giá vốn hàng bán, dịch vụ	Chi phí bán hàng, quản lý	Lãi, lỗ
I. Hoạt động kinh doanh	549.564.414	538.336.279	0	11.228.135
KD vận chuyển	463.802.852	454.434.234	0	9.368.618
KD dịch vụ khác	85.761.562	83.902.045	0	1.859.571
.....	0	0	0	0
Phí phục vụ	0	0	0	0
II. Hoạt động khác	105.838	586.964	0	-481.126
Hoạt động tài chính	105.838	586.964	0	-481.126
Hoạt động bất thường	0	0	0	0
Tổng cộng	549.670.252	538.923.243	0	10.747.009

III- Công tác thống kê tại Công ty :**1. Thống kê số khách, ngày khách :**

Tại Công ty, căn cứ vào các báo cáo doanh thu của các đơn vị trực thuộc gửi lên hàng tuần, cuối quý, kế toán Công ty tiến hành thống kê số khách, ngày khách do từng đơn vị trực thuộc phục vụ trong quý và của toàn Công ty theo mẫu sau :

SỐ KHÁCH, NGÀY KHÁCH NĂM 2003

I. KHÁCH DU LỊCH DO CÁC ĐƠN VỊ LƯU TRÚ PHỤC VỤ

Chỉ tiêu	Tre Xanh trung tâm					Tre Xanh bên cạnh					...	Toàn Công ty				
	Quý1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm 2003	Quý1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm 2003		Quý1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
1.Số khách	3.480	2.099	2.952	3.163	11.694	2.610	2.520	2.886	2.546	10.562	12.258	11.764	14.030	11.978	50.030
Quốc tế	2.562	594	781	1.905	5.842	854	180	317	1.016	2.367	3.919	925	1.349	3.330	9.523
Nội địa	918	1.505	2.171	1.258	5.852	4.756	2.340	2.569	1.530	11.195	8.339	10.839	12.681	468	40.507
2.Ngày khách	4.845	3.483	4.176	4.591	17.095	3.799	4.339	4.818	3.707	16.663	17.635	17.598	20.291	17.859	73.383
Quốc tế	3.437	917	1.239	2.471	8.064	1.122	282	656	1.299	3.359	5.519	1.681	2.377	4.507	14.084
Nội địa	1.408	2.512	2.937	2.120	8.977	2.677	4.057	4.162	2.408	13.304	12.116	15.917	17.914	13.352	59.299
3.Công suất buồng (%)	74,61	54,03	63,18	72,14	65,98	52,53	55,88	68,19	60,16	59,2	70,13	65,34	71,19	67,38	58,53
4.Công suất giường (%)	69,02	45,02	64,74	52,69	57,46	49,66	56,1	61,61	47,4	53,71	63,83	60,19	67,44	54,87	61,53

II. KHÁCH DU LỊCH DO CÁC ĐƠN VỊ LỮ HÀNH PHỤC VỤ:

SỐ KHÁCH	Quý1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm 2003	NGÀY KHÁCH	Quý1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm 2003
	4.961	3.111	3.828	3.401	2.908		16.358	11.443	18.290	13.900	59.991
.....
CN Hội An	184	445	640	56	1.325	CN Hội An	535	1.874	1.975	338	
Quốc tế	0	0	0	0	0	Quốc tế	0	0	0	0	
Nội địa	184	445	640	56	1.325	Nội địa	535	1.874	1.975	338	4.722
CN Hà Nội	239	100	333	362	1.034	CN Hà Nội	897	650	1.652	2.267	5.466
Quốc tế	220	16	46	231	513	Quốc tế	814	380	298	1.212	2.704
Nội địa	19	84	287	131	521	Nội địa	83	270	2.354	1.055	2.762
XN VC-DL	165	302	143	22	632	XN VC-DL	603	884	665	66	2.218
Quốc tế	125	9	33	22	189	Quốc tế	511	154	165	66	896

Nội địa	40	393	110	0	543	Nội địa	92	730	500	0	1.322
---------	----	-----	-----	---	-----	---------	----	-----	------------	---	-------

2. Thống kê doanh thu:

Công tác thống kê doanh thu của các đơn vị trực thuộc được kế toán Công ty tiến hành hằng tuần, ngay sau khi nhận được báo cáo doanh thu tuần của các đơn vị. Đến cuối năm, kế toán Công ty lập báo cáo tổng hợp doanh thu của tất cả các đơn vị, tính toán số tuyệt đối, số tương đối doanh thu trong năm so với kế hoạch

Các báo cáo thống kê doanh thu được lập tại Công ty theo mẫu như sau:

BÁO CÁO CƠ CẤU DOANH THU THỰC HIỆN TOÀN CÔNG TY NĂM 2003

Dịch vụ	Năm 2002		Kế hoạch 2003		Năm 2003		So sánh cùng kỳ		So sánh kế hoạch (%)
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	
KHÓI LỮ HÀNH	27.299.275.888	52,1	22.850.000.000	47,38	26.056.511.684	49,65	-1.242.764.204	95,45	114,03
Dịch vụ lữ hành	21.631.666.802		17.000.000.000		19.720.957.056		-1.910.709.746	91,17	116,01
Dịch vụ vận chuyển	5.667.609.086		5.850.000.000		6.335.554.628		667.945.542	111,79	108,30
KHÓI DỊCH VỤ	25.093.863.745	47,9	25.377.000.000	52,62	26.425.287.750	50,35	1.331.424.005	105,31	104,13
Dịch vụ vận chuyển	3.257.154.728		3.103.000.000		2.597.846.901		-659.307.827	79,76	83,72
Dịch vụ ngủ	8.785.791.276		8.765.000.000		8.855.462.873		69.671.597	100,79	101,03
Dịch vụ ăn	3.865.090.909		3.875.000.000		3.931.564.619		66.473.710	101,72	101,46
Dịch vụ uống pha chế	256.351.415		250.000.000		251.764.969		-4.586.446	98,21	100,71
Đại lý vé máy bay	338.378.438		260.000.000		356.596.351		27.217.913	108,04	140,61
Dịch vụ massage, karaoke	3.884.301.154		3.911.000.000		4.901.616.350		1.017.315.196	126,19	125,33
Dịch vụ điện thoại, fax	6.876.541.797		680.000.000		641.450.506		-46.091.291	93,3	94,33
Dịch vụ khác	1.471.505.088		880.000.000		1.449.815.831		-21.689.257	98,53	164,75
Kinh doanh hàng hoá	2.547.748.940		3.653.000.000		343.169.350		882.420.410	134,64	93,90
Tổng cộng	52.393.139.633	100	48.227.000.000	100	52.481.799.434	100	88.659.801	100,17	108,82

IV- Nhận xét về hệ thống báo cáo kế toán của Công ty :

Sau một thời gian nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống báo cáo kế toán của các đơn vị trực thuộc Công ty và tại Công ty, em nhận thấy hệ thống báo cáo kế toán này có những ưu nhược điểm sau :

1. Ưu điểm:

- Hệ thống báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập đầy đủ , theo đúng qui định.

- Thị trường du lịch là một thị trường nhạy cảm, rất dễ bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố khác nhau như : thiên tai, dịch bệnh, các chính sách vĩ mô của Nhà nước. Do đó, việc Công ty qui định các đơn vị trực thuộc phải gửi các báo cáo về doanh thu, số khách, ngày khách định kỳ hằng tuần về Công ty và sau đó kế toán Công ty tiến hành thống kê số liệu trên toàn Công ty có ý nghĩa rất lớn. Chính các số liệu thống kê này sẽ giúp nhà quản lý Công ty có cái nhìn tổng thể về tình hình khai thác khách của từng đơn vị, nắm bắt được kịp thời các thông tin về sự biến động của thị trường du lịch, để từ đó có các quyết định hợp lý.

- Công tác thống kê số liệu của các đơn vị trực thuộc tại văn phòng Công ty và việc đối chiếu số liệu thực hiện với số liệu kế hoạch giúp nhà quản lý Công ty đánh giá được kết quả hoạt động kinh doanh của từng đơn vị trong năm.

- Việc lập các kế hoạch về số khách, ngày khách, doanh thu ở các đơn vị vào đầu mỗi năm có ý nghĩa như một kim chỉ nam để đơn vị hướng tới trong việc tìm kiếm, khai thác nguồn khách.

2. Nhược điểm :

Bên cạnh những ưu điểm đáng kể trên thì hệ thống báo cáo của các đơn vị trực thuộc Công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- Hiện nay, tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty đều tiến hành phân loại chi phí theo yếu tố, chưa quan tâm đến việc phân loại chi phí theo cách ứng xử. Điều này đã gây khó khăn trong việc đánh giá, kiểm tra chi phí của từng bộ phận trong từng

đơn vị (vì trong thực tế có những trường hợp mặc dù nhà quản lý bộ phận đó đã quản lý rất tốt các chi phí phát sinh, nhưng tổng chi phí của bộ phận rất lớn là do phần định phí của bộ phận đó chiếm quá cao). Vì vậy, các đơn vị trực thuộc Công ty nên tiến hành phân loại chi phí theo cách ứng xử và lập các báo cáo thu nhập, báo cáo bộ phận gửi về Công ty. Sau đó, dựa trên các báo cáo này kế toán Công ty tiến hành lập báo cáo bộ phận trên toàn Công ty để nhà quản lý Công ty nắm bắt được tình hình kinh doanh, đánh giá được trình độ quản lý chi phí của từng đơn vị.

- Mặt khác, tại các đơn vị trực thuộc đã lập các kế hoạch về doanh thu, số khách, ngày khách nhưng lại không lập kế hoạch về chi phí. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc quản lý các chi phí phát sinh trong đơn vị. Do đó, các đơn vị nên tiến hành lập các báo cáo dự toán chi phí, dự toán kết quả kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm tra, đánh giá trách nhiệm của từng bộ phận.

PHẦN II

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁO CÁO BỘ PHẬN PHỤC VỤ QUẢN LÝ NỘI BỘ Ở CÔNG TY DU LỊCH VIỆT NAM TẠI ĐÀ NẴNG

I. Xây dựng báo cáo bộ phận tại các khách sạn trực thuộc Công ty :

1. Phân loại chi phí theo cách ứng xử:

Các khách sạn trực thuộc Công ty đều là những đơn vị kinh doanh nhiều dịch vụ : ăn, ngủ, uống pha chế, hàng hoá, dịch vụ khác... Để phục vụ cho việc lập các báo cáo kế toán quản trị, đặc biệt là các báo cáo bộ phận, toàn bộ chi phí phát sinh trong khách sạn cần phải được phân loại theo cách ứng xử, có chi tiết hoá trong từng bộ phận. Theo đó, chi phí được phân loại thành : biến phí, định phí trực tiếp (là định phí phát sinh tại mỗi bộ phận) và định phí chung. Trong khuôn khổ chuyên đề thực tập này, em xin tiến hành phân loại chi phí theo cách ứng xử và lập báo

cáo bộ phận tại Khách sạn Tre Xanh trung tâm. Các khách sạn khác có thể tiến hành tương tự.

* Nội dung các hoạt động kinh doanh tại Khách sạn Tre Xanh trung tâm :

- Kinh doanh ngủ : Là hoạt động phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch.
- Kinh doanh hàng ăn : Là dịch vụ chế biến các món ăn đáp ứng nhu cầu của khách trong thời gian lưu trú và các khách trong thành phố .
- Kinh doanh hàng uống pha chế : Là việc pha chế các loại thức uống như sữa, cà phê, nước ép trái cây... phục vụ chủ yếu trong bữa ăn sáng của khách.
- Kinh doanh hàng hoá : Là hoạt động kinh doanh các loại bia, rượu, nước ngọt... và các hàng thủ công mỹ nghệ như hàng đá Non Nước, vải lụa tơ tằm, tranh thêu... phục vụ nhu cầu đa dạng của khách.
- Kinh doanh dịch vụ khác : Là các dịch vụ massage, tắm hơi, cho thuê hội trường, thuê xe du lịch, mua vé máy bay...

* Các chi phí phát sinh tại Khách sạn Tre Xanh trung tâm bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ ngủ : bao gồm hoa quả đặt phòng và vật dụng cho khách (xà phòng, bàn chải đánh răng, bao chụp tóc...). Chi phí này được xem là biến phí của hoạt động ngủ.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ ăn : là các loại hoa quả, thực phẩm, gia vị... biến đổi tỷ lệ với số lượng khách ăn nên được xem là biến phí hoạt động ăn.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ pha chế : gồm các loại cà phê, đường, sữa, hoa quả... chủ yếu dùng để pha chế các loại thức uống phục vụ khách ăn sáng. Chi phí này tăng lên khi số lượng khách ăn sáng tăng, được xem là biến phí của hoạt động pha chế.

- Nhiên liệu : là chi phí về các loại than, gas, dầu dùng để chế biến thức ăn được xem là biến phí hoạt động ăn. Ngoài ra, còn là chi phí dầu chạy máy phát điện, được xem là định phí chung.

- Phân bổ CCDC Công ty quản lý: là các loại CCDC có giá trị trên 1.000.000 đ và nhỏ hơn 5.000.000 đ như : máy điều hoà, tivi, tủ lạnh trang bị trong các phòng khách, máy pha cà phê, máy xay sinh tố, nồi áp suất, nồi cơm điện ... dùng ở bộ phận bàn, bếp... CCDC được sử dụng ở bộ phận nào thì chi phí phân bổ được xem là định phí trực tiếp của bộ phận đó, nếu dùng ở bộ phận quản lý, kế toán, bảo vệ, sửa chữa (gọi chung là bộ phận chung) thì được xem là định phí chung.

- Phân bổ CCDC đơn vị quản lý : Là các CCDC có giá trị nhỏ (dưới một triệu đồng) như quạt, đèn, bàn, ghế, ly, chén, đĩa, khăn tắm, áo choàng... Tương tự như CCDC do Công ty quản lý, chi phí phân bổ của loại CCDC này cũng được xem là định phí trực tiếp của bộ phận sử dụng và là định phí chung đối với các loại CCDC sử dụng ở bộ phận chung.

- Ấn phẩm tuyên truyền quảng cáo : Là các chi phí về in ấn các loại tập gấp, phong bì và giấy viết thư, chi phí băng rôn quảng cáo trong các dịp lễ hội... được xem là định phí của bộ phận chung.

- Trang phục bảo hộ lao động : Hằng năm, cán bộ công nhân viên trong khách sạn được trang bị trang phục bảo hộ lao động (áo, quần, váy...). Trong năm 2003, mức trang bị này là 500.000 đ/người. Do đó, đây được xem là khoản định phí trực tiếp của bộ phận sử dụng và là định phí của bộ phận chung.

- Tiền lương : Đây là chi phí hỗn hợp bao gồm biến phí là tiền lương Khoản tiền lương mà cán bộ công nhân viên nhận được hằng kỳ được tính theo công thức sau:

$$\sum \text{Tiền lương} = \sum \text{Hệ số chất lượng ABC}_i \times \text{Mức tiền lương đơn vị}_i \times \frac{\text{Số ngày làm việc trong tháng } i}{\text{Số ngày trong tháng}}$$

Trong đó : + Hệ số chất lượng ABC là hệ số lương được qui định thống nhất trong Công ty tùy thuộc vào trình độ nhân viên, tính chất nghề nghiệp, thâm niên công tác...của người lao động.

+ Mức tiền lương đơn vị là mức tiền lương do giám đốc Công ty quyết định theo định kỳ 6 tháng căn cứ vào hiệu quả hoạt động của từng đơn vị trực thuộc.

+ i : nhân viên i .

Từ công thức tính trên, có thể thấy mức tiền lương mà mỗi nhân viên khách sạn nhận được trong kỳ chỉ phụ thuộc vào số ngày nhân viên đó làm việc trong kỳ đó. Vì vậy, tiền lương của mỗi bộ phận được xem là định phí của bộ phận đó.

Mức lương cơ bản do Nhà nước qui định chỉ được khách sạn sử dụng để tính các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) cho người lao động. Do đó các khoản trích theo lương này cũng được xem là định phí theo từng bộ phận. Ta có công thức tính các khoản trích này như sau:

$$\Sigma \text{Lương cơ bản} = \Sigma \text{Hệ số lương và phụ cấp}_i \times 290.000 \text{ đ}$$

Trong đó: Hệ số lương và phụ cấp của từng nhân viên được Nhà nước qui định trong qui chế tiền lương tùy theo thâm niên công tác, tính chất nghề nghiệp, trình độ chuyên môn... của người lao động.

$$\text{BHXH}_i = 15\% \text{ Lương cơ bản}_i \text{ (tính vào chi phí)}.$$

$$\text{BHYT}_i = 2\% \text{ Lương cơ bản}_i \text{ (tính vào chi phí)}.$$

$$\text{KPCĐ}_i = 2\% \text{ Tiền lương}_i \text{ (tính vào chi phí)}.$$

Hiện nay tại khách sạn, toàn bộ tiền lương của nhân viên bàn đều được tính vào hoạt động ăn, trong khi nhân viên bàn ngoài phục vụ hoạt động ăn còn phục vụ hoạt động uống pha chế và kinh doanh hàng hoá. Điều này sẽ không phản ánh đúng chi phí của từng bộ phận. Do đó, các chi phí này cần được tính toán và phân chia cụ thể cho từng bộ phận dựa vào thời gian nhân viên bàn phục vụ cho từng hoạt động : ăn, uống pha chế và kinh doanh hàng hoá .

Quan sát thực tế tại bộ phận nhà hàng cho thấy thời gian bình quân một nhân viên bàn phục vụ uống pha chế chiếm 1/8 tổng thời gian phục vụ khách, phục vụ ăn chiếm 4/8 và phục vụ hàng hoá chiếm 3/8 tổng thời gian phục vụ khách.

Các chi phí liên quan đến nhân viên bàn (gọi chung là chi phí nhân viên) phát sinh trong quý IV năm 2003 như sau:

- + Tiền lương = 32.492.112 đ.
- + Lương cơ bản = 8.799.443 đ.
- + BHXH, BHYT = 17% Lương cơ bản = 1.495.905 đ.
- + KPCĐ = 2% Tiền lương = 649.842 đ.
- + Tiền ăn ca = 3.389.686 đ.
- + Chi phí trang phục = 625.000 đ.

**BẢNG TÍNH CHI PHÍ NHÂN VIÊN CHO CÁC BỘ PHẬN ĂN, UỐNG,
KINH DOANH HÀNG HOÁ**

Bộ phận	Tỷ lệ thời gian nhân viên bàn phục vụ	Tiền lương	KPCĐ	BHXH, BHYT	Tiền ăn ca	Tiền trang phục
(1)	(2)	(3) = (2) x ΣTiền lương	(4) = (2) x ΣKPCĐ	(5) = (2) x ΣBHXH, BHYT	(6) = (2) x ΣTiền ăn ca	(7) = (2) x ΣChi phí trang phục
1. Ăn	0,50	16.246.056	324.921	747.953	1.694.843	312.500
2. Uống pha chế	0,13	4.061.514	81.230,25	186.988,13	423.710,75	78.125
3. KD hàng hoá	0,38	12.184.542	243.690,75	560.964,38	1.271.132,25	234.375
Tổng cộng	1,00	32.492.112	649.842	1.495.905	3.389.686	625.000

- Tiền ăn ca : Được xác định theo công thức sau :

Số ngày làm việc trong tháng ;

$$\Sigma \text{Tiền ăn ca} = 210.000đ \times \frac{\text{Số ngày trong tháng}}{\text{Số ngày trong tháng}}$$

Từ công thức trên cho thấy tiền ăn ca của nhân viên từng bộ phận chỉ phụ thuộc vào số ngày làm việc trong kỳ của từng nhân viên, không phụ thuộc vào số lượng khách mà bộ phận đó phục vụ trong kỳ. Do đó chi phí tiền ăn ca được xem là định phí.

- BHXH, BHYT, KPCĐ : Được tính dựa trên lương cơ bản và chi phí tiền lương nên được xem là định phí .

- Khấu hao TSCĐ hữu hình : Là chi phí khấu hao của các TSCĐ phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại từng bộ phận như : hệ thống thông hơi bếp, kệ chén bát inox 4 tầng, phòng tắm sauna, khấu hao toà nhà khách sạn, khấu hao các TSCĐ chung như thang máy, hệ thống giếng khoan, tổng đài điện thoại... Chi phí khấu hao hằng kỳ được xác định theo phương pháp đường thẳng nên nó là chi phí cố định. Chi phí khấu hao các TSCĐ sử dụng tại từng bộ phận được xem là định phí trực tiếp của mỗi bộ phận, chi phí khấu hao các TSCĐ chung được xem là định phí chung. Riêng chi phí khấu hao toà nhà khách sạn hiện nay được tính toàn bộ cho dịch vụ ngủ. Điều này là không chính xác vì khách sạn không chỉ kinh doanh dịch vụ ngủ mà còn kinh doanh nhiều dịch vụ khác. Vì vậy, để phản ánh đúng các chi phí thực sự phát sinh tại mỗi hoạt động thì chi phí khấu hao của toà nhà khách sạn cần được tính toán cụ thể cho từng hoạt động theo diện tích sử dụng nhà của mỗi hoạt động.

Khách sạn Tre Xanh trung tâm có tất cả 10 tầng, mỗi tầng được sử dụng cho các hoạt động sau:

- Tầng 1 : Khu vực đón tiếp khách, phòng giám đốc, phòng bảo vệ.
- Tầng 2 : 1/4 diện tích tầng 2 là hội trường, 1/16 diện tích là quầy bar, 1/16 diện tích là kho để hàng hoá (rượu, bia, nước ngọt...), 3/4 diện tích là nhà hàng.

- Tầng 3 : 1/3 diện tích sử dụng cho hoạt động massage, tắm hơi; 2/3 diện tích là các phòng ngủ.
- Tầng 4 → tầng 9 : Các phòng ngủ.
- Tầng 10 : Sân thượng.

Tổng mức khấu hao quý IV năm 2003 của tòa nhà Khách sạn Tre Xanh trung tâm = 83.506.304 đ.

Căn cứ vào diện tích sử dụng toà nhà của mỗi bộ phận và tổng mức khấu hao trong quý, ta có bảng tính khấu hao mỗi bộ phận như sau:

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TOÀ NHÀ TRUNG TÂM
THEO TỪNG BỘ PHẬN**

Bộ phận	Tỷ lệ diện tích sử dụng	Mức khấu hao toà nhà tính vào chi phí bộ phận
1. Ăn	0,06	5.219.144,00
2. Uống pha chế	0,01	521.914,40
3. Ngủ	0,67	55.670.869,33
4. Hàng hoá	0,01	521.914,40
5. Dịch vụ khác	0,06	4.871.201,07
6. Chung	0,20	16.701.260,80
Tổng cộng	1,00	83.506.304,00

Trong bảng tính trên, khoản chi phí khấu hao chung chính là khấu hao phần diện tích toà nhà không trực tiếp được sử dụng tại một trong các bộ phận trên (là khu vực tiền sảnh, sân thượng).

- Chi phí giặt là : Là chi phí thuê ngoài giặt là các loại khăn, ra trải giường, gối, mùng, mền...của các phòng khách, được xem là biến phí của hoạt động ngủ. Ngoài

ra, khách sạn cũng kinh doanh dịch vụ giặt quần áo cho khách đến ở. Khi đó, chi phí này được xem là biến phí của hoạt động kinh doanh dịch vụ khác.

- Hoa hồng môi giới : Số tiền trả cho các cá nhân, tổ chức giới thiệu khách đến ở tại khách sạn. Số tiền này cao hay thấp là phụ thuộc vào số lượng khách, loại phòng ở và thời gian lưu trú nên là biến phí của dịch vụ ngủ.

- Chi phí điện: Được xem là chi phí hỗn hợp, trong đó biến phí là mức chi phí điện phát sinh ở các hoạt động ngủ, ăn, uống pha chế, dịch vụ khác.. Khi lượng khách sử dụng các dịch vụ này càng tăng thì chi phí điện càng tăng. Định phí là chi phí điện phát sinh ở bộ phận chung. Chi phí điện ở bộ phận chung được tính theo công thức sau:

Chi phí điện ở bộ phận chung = Đơn giá 1 Kwh điện x Số ngày trong quý x Mức tiêu hao điện bình quân 1 ngày ở bộ phận chung = 1480đ x 92 ngày x $\sum Q_i$ x P_i x T_i

Trong đó:

- + Q_i : Số lượng thiết bị điện i dùng ở bộ phận chung.
- + P_i : Công suất thiết bị điện i dùng ở bộ phận chung.
- + T_i : Thời gian hoạt động bình quân trong ngày của thiết bị điện i.

**BẢNG TỔNG HỢP MỨC HOẠT ĐỘNG BÌNH QUÂN TRONG NGÀY
CỦA CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN Ở BỘ PHẬN CHUNG**

STT	Thiết bị	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Công suất (Kw)	Thời gian hoạt động bình quân trong ngày (giờ)	Tổng mức tiêu hao điện trong ngày
1	Máy fax	Lễ tân	2	0,075	18	2,700
2	Máy vi tính	Lễ tân	2	0,065	18	2,340
3	Tổng đài Panasonic	Lễ tân	1	0,080	18	1,440
4	Máy in	Lễ tân	1	0,065	18	1,170
5	Điều hoà	Chung	4	1,200	12	57,600
6	Thang máy tự động TDE	Chung	1	8,000	8	64,000
7	Đèn chùm 6 bóng	Chung	1	1,200	7	8,400
8	Đèn neon	Chung	20	0,060	14	16,800
9	Quạt bàn	Chung	5	0,060	8	2,400
10	Đèn trang trí trước khách sạn	Chung	10	0,025	7	1,750
11	Máy vi tính	Kế toán	2	0,065	7	0,910
12	Máy fax	Kế toán	1	0,075	7	0,525
13	Máy in	Kế toán	1	0,065	7	0,455
14	Máy bơm nước	Chung	1,2	0,090	2	2,160
15	Điều hoà Daewoo	Kế toán	1	1,200	4	4,800
Tổng cộng						167,450

Từ bảng trên suy ra:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí điện ở bộ phận chung trong quý IV} &= 1480\text{đ} \times 92 \text{ ngày} \times 167,45\text{Kwh} \\ &= 22.527.672\text{đ}. \end{aligned}$$

→ Chi phí điện phát sinh ở các bộ phận ăn, ngủ, uống pha chế, kinh doanh hàng hoá, kinh doanh dịch vụ khác = Tổng chi phí điện phát sinh trong quý - Chi phí điện phát sinh ở bộ phận chung = 122.040.097đ - 22.527.672đ = 99.512.425đ.

Tổng chi phí điện phát sinh ở các bộ phận trực tiếp phục vụ này sẽ được phân bổ theo doanh thu của từng hoạt động để tính chi phí điện cho từng hoạt động.

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ ĐIỆN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG**Quý IV năm 2003**

Hoạt động	Doanh thu	Tỷ lệ doanh thu	Chi phí điện phân bổ
(1)	(2)	(3)	(4)=(3) x Tổng chi phí điện cần phân bổ
1. Ngủ	1.065.149.842	0,535	53.287.909,486
2. Ăn	517.298.918	0,260	25.879.718,357
3. Uống pha chế	33.267.638	0,017	1.664.331,921
4. KD hàng hoá	131.104.682	0,066	6.558.978,044
5. KD dịch vụ khác	242.291.362	0,122	12.121.487,192
Tổng cộng	1.989.112.442	1,000	99.512.425,000

- Chi phí dịch vụ tắm hơi: được xem là biến phí của hoạt động kinh doanh dịch vụ khác.

- Công tác phí : Chi phí này tỷ lệ với số lần đi công tác của bộ phận quản lý khách sạn, được xem là định phí chung.

- Điện thoại, fax, email : Là chi phí hỗn hợp bao gồm biến phí là chi phí điện thoại phục vụ nhu cầu liên lạc của khách lưu trú (được tính vào biến phí của dịch vụ khác) và định phí là chi phí điện thoại, fax... phục vụ nhu cầu liên lạc của khách sạn.

- Chi phí hội nghị tiếp khách, chi phí sửa chữa tài sản: Các chi phí này được Công ty giao định mức hằng năm theo kế hoạch nên là định phí chung của khách sạn.

- Tiền thuê đất : Tiền thuê đất khách sạn phải nộp hằng năm là 17.000.000đ, được phân bổ đều cho 4 quý nên chi phí này là định phí chung của khách sạn.

- Chi phí bằng tiền khác : Là các khoản chi phí bằng tiền không nằm trong các khoản mục chi phí trên như phí ngân hàng, chi phí vệ sinh, chi phí cây cảnh... Chi phí này là định phí chung của khách sạn.

- Giá vốn hàng bán : Là giá vốn các loại rượu, bia, nước ngọt... khách sạn kinh doanh, là biến phí của hoạt động kinh doanh hàng hoá .

Toàn bộ chi phí phát sinh trong quý của Khách sạn Tre Xanh trung tâm được thể hiện qua các bảng tổng hợp chi phí sau :

BẢNG TỔNG HỢP BIẾN PHÍ, ĐỊNH PHÍ THEO BỘ PHẬN

Quý IV năm 2003

Khoản mục chi phí	KD ngủ	KD hàng ăn	KD uống pha chế	KD hàng hoá	KD dịch vụ khác	Toàn khách sạn
Biến phí						
NVL trực tiếp	28.029.503,00	307.439.863,00	9.616.387,00			345.085.753,00
Nhiên liệu		3.115.240,00				3.115.240,00
Chi phí điện	53.287.909,49	25.879.718,36	1.664.331,92	6.558.978,04	12.121.487,19	99.512.425,00
Điện thoại, fax...					16.435.700,00	16.435.700,00
Giặt là	15.695.405,00				5.003.000,00	20.698.405,00
Hoa hồng môi giới	27.438.923,00					27.438.923,00
Chi phí dịch vụ tắm hơi					30.588.000,00	30.588.000,00
Giá vốn hàng bán				43.541.307,00		43.541.307,00
Tổng biến phí	124.451.740,49	336.434.821,36	11.280.718,92	50.100.285,04	64.148.187,19	586.415.753,00
Định phí trực tiếp						
Phân bổ CCDC	63.953.021,00	26.572.387,00	5.031.773,00	2.785.187,00	10.949.511,00	109.291.879,00
Chi phí trang phục	2.194.987,50	312.500,00	78.125,00	234.375,00	731.662,50	3.551.650,00
Tiền lương	68.048.514,00	16.246.056,00	4.061.514,00	12.184.542,00	18.702.777,00	119.243.403,00

Tiền ăn ca	6.101.473,00	1.694.843,00	423.710,75	1.271.132,25	2.033.381,00	11.524.540,00
KPCĐ, BHXH, BHYT	4.040.717,21	1.072.873,50	268.218,38	804.655,13	3.053.801,04	9.240.265,26
Khấu hao TSCĐ	55.670.869,33	10.061.510,00	706.484,40	15.588.057,07	15.588.057,07	97.614.977,87
Tổng định phí trực tiếp	200.009.582,04	55.960.169,50	10.569.825,53	32.867.948,45	51.059.189,61	350.466.715,13

BẢNG TỔNG HỢP ĐỊNH PHÍ CHUNG**Quý IV năm 2003**

Khoản mục chi phí	Số tiền
1. Phân bổ chi phí CCDC	26.192.714,00
2. Khấu hao TSCĐ	196.155.902,13
3. Tiền lương bộ phận chung	162.830.370,00
4. Tiền ăn ca bộ phận chung	15.592.960,00
5. Trang phục bộ phận chung	6.203.850,00
6. BHXH, BHYT, KPCĐ bộ phận chung	10.546.365,74
7. Nhiên liệu	664.490,00
8. Ấn phẩm tuyên truyền quảng cáo	9.234.363,00
9. Chi phí điện bộ phận chung	22.527.672,00
10. Điện thoại, fax, email	25.732.449,00
11. Công tác phí	4.435.240,00
12. Sửa chữa tài sản	5.714.919,00
13. Hội nghị, tiếp khách	5.786.806,00
14. Tiền thuê đất	4.250.000,00
15. Chi phí bằng tiền khác	82.816.610,00
Tổng cộng	578.684.710,87

2 Lập báo cáo bộ phận:

Dựa vào bảng tổng hợp biến phí, định phí trực tiếp của các bộ phận và bảng tổng hợp định phí chung trên toàn khách sạn, ta có báo cáo bộ phận theo loại hình dịch vụ như sau:

BÁO CÁO BỘ PHẬN
Khách sạn Tre Xanh trung tâm
Quý IV năm 2003

Chỉ tiêu	Bộ phận					Toàn khách sạn
	Ngủ	Ăn	Uống pha chế	KD hàng hoá	KD dịch vụ khác	
1. Doanh thu thuần	1.065.149.842,00	517.298.918,00	33.267.638,00	131.104.682,00	242.291.362,00	1.989.112.442,00
2. Biến phí	124.451.740,49	336.434.821,36	11.280.718,92	50.100.285,04	64.148.187,19	586.415.753,00
3. Số dư đảm phí	940.698.101,51	180.864.096,64	21.986.919,08	81.004.396,96	178.143.174,81	1.402.696.689,00
4. Định phí trực tiếp	200.009.582,04	55.960.169,50	10.569.825,53	32.867.948,45	51.059.189,61	350.466.715,13
5. Lợi nhuận bộ phận	740.688.519,47	124.903.927,14	11.417.093,55	48.136.448,51	127.083.985,20	1.052.229.973,87
6. Định phí chung						578.684.710,87
7. Lợi nhuận thuần						473.545.263,00
8. Tỷ lệ số dư đảm phí	0,88	0,35	0,66	0,62	0,74	0,71

Trên đây là mẫu báo cáo bộ phận mà các khách sạn nên lập và gửi về Công ty hàng quý. Qua báo cáo bộ phận của khách sạn Tre Xanh trung tâm, có thể đưa ra một số nhận xét như sau: Trong quý IV năm 2003, tất cả các bộ phận kinh doanh trong khách sạn đều có lãi, trong đó, bộ phận ngủ có lãi cao nhất, tỷ lệ số dư đảm phí của bộ phận này cũng cao nhất. Hoạt động kinh doanh uống pha chế mặc dù có lợi nhuận không cao nhưng tỷ lệ số dư đảm phí của hoạt động này tương đối lớn. Thực tế tại khách sạn cho thấy, sở dĩ doanh thu hoạt động uống pha chế thấp vì hoạt động này chủ yếu phục vụ cho nhu cầu khách lưu trú ăn sáng trong khách sạn. Vì thế, khách sạn nên có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh ăn sáng cho khách trong thành phố bằng việc bán các loại thức ăn tự chọn và các loại thức uống pha chế. Nếu làm được điều này, doanh thu của hoạt động kinh doanh hàng ăn và hoạt

động uống pha chế sẽ tăng cao, lợi nhuận hoạt động uống pha chế từ đó sẽ tăng lên rất lớn.

II. Xây dựng báo cáo bộ phận tại các chi nhánh:

Hai chi nhánh trực thuộc Công ty hiện nay là Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Hội An đều chỉ kinh doanh hoạt động lễ hành ở . Do đó, đối với mỗi chi nhánh, ta không tiến hành lập báo cáo bộ phận mà chỉ lập báo cáo thu nhập cho từng chi nhánh. Để có thể lập báo cáo thu nhập cho từng chi nhánh, ta cũng tiến hành phân loại chi phí thành biến phí và định phí như đối với các khách sạn. Dưới đây là cách phân loại chi phí theo cách ứng xử và lập báo cáo thu nhập tại Chi nhánh Hà Nội:

Nội dung các khoản chi phí phát sinh tại chi nhánh Hà Nội hằng kỳ như sau :

- Tiền lương, tiền ăn ca, chi phí trang phục, BHXH, BHYT, KPCĐ : Có công thức tính hoàn toàn giống với khối khách sạn, được xem là định phí của chi nhánh.

- Chi phí điện, nước, chi phí văn phòng phẩm : Mặc dù các chi phí này không giống nhau qua các kỳ nhưng mức biến động giữa các kỳ là nhỏ, không phụ thuộc vào số lượng khách chi nhánh phục vụ nên chi phí này được xem là định phí .

- Chi phí điện thoại, fax, internet, email: Chi phí này phụ thuộc vào số lượt khách chi nhánh khai thác được trong kỳ. Số lượt khách khai thác càng lớn thì công tác liên lạc với khách phục vụ cho các việc tổ chức tour du lịch càng nhiều nên chi phí này là biến phí của hoạt động lễ hành.

- Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí CCDC : Không thay đổi qua các quý, được xem là định phí của chi nhánh.

- Chi phí dịch vụ lễ hành, chi phí vận chuyển, chi phí bảo hiểm tài sản, khách : Là các chi phí tàu xe, chi phí vé tham quan, chi phí lưu trú, chi phí bảo hiểm ... phát sinh trong từng tour du lịch. Chi phí này biến đổi theo số lượng khách, số điểm tham quan trong từng tour... nên là biến phí của hoạt động lễ hành.

- Công tác phí : Đây là chi phí trả cho hướng dẫn viên đi tour du lịch, là biến phí của hoạt động lễ hành.

- Chi phí tiếp khách, chi phí tuyên truyền quảng cáo, sửa chữa tài sản: Các chi phí này được chi nhánh xây dựng kế hoạch hằng năm, không phụ thuộc vào số lượt khách chi nhánh khai thác trong kỳ, được xem là định phí của chi nhánh.

- Chi phí bằng tiền khác : Là các chi phí vệ sinh, chi phí giao dịch và một số khoản chi phí bằng tiền khác không nằm trong các khoản mục chi phí trên, được xem là biến phí.

Toàn bộ chi phí phát sinh tại Chi nhánh Hà Nội được phân loại theo cách ứng xử chi phí như sau:

BẢNG TỔNG HỢP BIẾN PHÍ

Quý IV năm 2003

Khoản mục chi phí	Số tiền
1. Chi phí dịch vụ lữ hành	2.055.154.342
2. Công tác phí	32.034.106
3. Điện thoại, Fax, Internet, email	13.852.868
4. Chi phí vận chuyển	1.108.965.130
5. Chi phí bằng tiền khác	2.547.326
6. Chi phí bảo hiểm tài sản, khách	5.002.320
Tổng cộng	3.217.556.092

BẢNG TỔNG HỢP ĐỊNH PHÍ

Quý IV năm 2003

Khoản mục chi phí	Số tiền
1. Tiền lương	23.856.720
2. BHXH, BHYT, KPCĐ	3.153.683
3. Chi phí tiền ăn ca	4.414.245
4. Chi phí tiếp khách	3.338.871
5. Chi phí điện, nước	800.860
6. Văn phòng phẩm	961.728

7. Chi phí tuyên truyền quảng cáo	2.272.700
8. Khấu hao TSCĐ	5.395.482
9. Phân bổ chi phí CCDC	2.159.677
10. Chi phí sửa chữa tài sản	1.207.000
Tổng cộng	47.560.966

Sau khi đã phân loại chi phí thành biến phí và định phí như trên, ta tiến hành lập báo cáo thu nhập của chi nhánh như sau:

BÁO CÁO THU NHẬP

Chi nhánh Hà Nội

Quý IV năm 2003

1. Doanh thu thuần	3.265.145.644 đ
2. Biến phí	3.217.556.092 đ
3. Số dư đảm phí	47.589.552 đ
4. Định phí	47.560.966 đ
5. Lợi nhuận thuần	28.586 đ
6. Tỷ lệ số dư đảm phí	0,01

Qua bảng tổng hợp biến phí, định phí và báo cáo bộ phận tại Chi nhánh Hà Nội như trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau : trong quý IV năm 2003, mặc dù Chi nhánh đạt được doanh thu rất cao (trên 3 tỷ), nhưng lợi nhuận lại rất thấp (chưa đến 30.000đ). Nguyên nhân là do tổng biến phí quá lớn. Xem xét từ bảng tổng hợp biến phí, có thể thấy chi phí dịch vụ lữ hành và chi phí vận chuyển là chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng biến phí. Như vậy, để chi nhánh hoạt động có hiệu quả hơn, thì ngoài những cố gắng tìm kiếm khai thác nguồn khách, chi nhánh còn phải chú trọng đến việc tổ chức tour du lịch một cách tiết kiệm chi phí nhất, tìm kiếm các đơn vị vận chuyển, các khách sạn có chi phí ăn, ngủ, đi lại... rẻ hơn.

III. Xây dựng báo cáo bộ phận tại Xí nghiệp vận chuyên du lịch :

Hoạt động kinh doanh của xí nghiệp vận chuyển du lịch bao gồm hoạt động vận chuyển lữ hành và kinh doanh dịch vụ khác (dịch vụ sửa chữa xe ô tô, dịch vụ bán nước giải khát, khăn lạnh cho khách đi xe). Trong đó, hoạt động vận chuyển là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của xí nghiệp.

Các chi phí phát sinh tại Xí nghiệp vận chuyển du lịch Quý IV năm 2003 được phân loại theo cách ứng xử chi phí như sau :

- Chi phí nhiên liệu: Toàn bộ chi phí nhiên liệu phát sinh trong quý đều phục vụ cho hoạt động vận chuyển, được xem là biến phí của hoạt động vận chuyển.

- Phụ tùng thay thế, xăm lốp, bình điện : Chi phí này vừa là biến phí của hoạt động vận chuyển, vừa là biến phí của dịch vụ sửa chữa xe ngoài.

- Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí CCDC do Công ty và đơn vị quản lý: Tương tự như khối khách sạn và các chi nhánh, các chi phí này ở xí nghiệp mang tính chất cố định qua các kỳ nên được xem là định phí.

- Vật liệu khác : Bao gồm các loại nhớt, lynn, ốc vít...phục vụ cho hoạt động vận chuyển và dịch vụ sửa xe nên là biến phí của hai hoạt động này.

- Tiền lương, tiền ăn ca, BHXH, BHYT, KPCĐ : Các chi phí này của bộ phận lái xe thì được tính vào định phí hoạt động vận chuyển, của thợ máy, thợ hàn được tính vào định phí trực tiếp dịch vụ sửa chữa, của nhân viên bảo vệ, kế toán, cán bộ quản lý được tính vào định phí chung.

- Chi phí điện thoại, fax : Chi phí này phát sinh chủ yếu tại bộ phận văn phòng xí nghiệp nên được xếp vào định phí chung.

- Chi phí thuê hướng dẫn, chi phí cầu đường, sân bay, gửi xe : Các chi phí này là biến phí của hoạt động vận chuyển.

- Công tác phí : Là khoản tiền trả cho lái xe và cán bộ quản lý, nhân viên kế toán được xem là biến phí của hoạt động vận chuyển (nếu trả cho lái xe), là định phí chung (nếu trả cho cán bộ quản lý).

- Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản : Các chi phí này được lập kế hoạch hằng năm và phân bổ trong các kỳ, là định phí chung của xí nghiệp.

- Chi phí điện nước phát sinh tại bộ phận văn phòng và chi phí văn phòng phẩm:
Ít biến đổi qua các kỳ, được xem là định phí chung.

- Chi phí điện, nước phát sinh tại gara xe : Là điện dùng để chạy máy bơm dầu, máy nấu nước cất... phục vụ việc sửa chữa xe ô tô nên là biến phí dịch vụ sửa xe.

- Tiền thuê đất: Chi phí này cố định hằng quý là 4000.000đ, là định phí chung của xí nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Là các chi phí bằng tiền không nằm trong các khoản mục chi phí trên như chi phí vệ sinh, chi phí bưu điện... là chi phí chung của xí nghiệp.

Căn cứ vào việc phân loại chi phí như trên và chi phí thực tế phát sinh tại xí nghiệp trong quý, ta có bảng tập hợp biến phí, định phí trực tiếp và định phí chung của Xí nghiệp vận chuyển du lịch trong quý IV năm 2003 như sau:

BẢNG TỔNG HỢP BIẾN PHÍ, ĐỊNH PHÍ BỘ PHẬN

Quý IV năm 2003

Khoản mục chi phí	Vận chuyển	KD Dịch vụ khác
1. Biến phí		
+ Chi phí nhiên liệu	110.524.9950	
+ Phụ tùng thay thế, xăm lốp bình điện	4.226.308	8.953.680
+ Vật liệu khác	4.443.680	12.421.817
+ Chi phí điện, nước		1.860.754
+ Chi phí thuê hướng dẫn	93.674.113	
+ Công tác phí	23.468.905	
+ Chi phí cầu đường, sân bay, gửi xe	31.741.619	
Tổng biến phí	268.079.620	23.236.251
2. Định phí trực tiếp		
+ Phân bổ chi phí CCDC	221.465	165.382

+ Chi phí khấu hao TSCĐ	72.764.822	
+ Tiền lương	57.552.647	13.088.770
+ Tiền ăn ca	9.291.450	1.858.250
+ BHXH, BHYT, KPCĐ	8.407.901	1.912.146
Tổng định phí trực tiếp	148.238.285	17.024.548

BẢNG TỔNG HỢP ĐỊNH PHÍ CHUNG

Khoản mục chi phí	Số tiền
1. Phân bổ chi phí CCDC	698.057
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	4.339.208
3. Văn phòng phẩm	2.405.944
4. Sửa chữa tài sản	11.635.000
5. Chi phí điện thoại, fax	7.040.068
6. Chi phí điện, nước	2.263.849
7. Tiếp khách, hội nghị khách hàng	8.770.260
8. Tiền thuê đất	4.000.000
9. Chi phí khác	5.115.418
10. Tiền lương bộ phận quản lý	26.101.664
11. Tiền ăn ca bộ phận quản lý	5.574.900
12. KPCĐ, BHXH, BHYT	3.813.207
Tổng cộng	81.757.575

Dựa vào số liệu tổng hợp từ hai bảng trên, ta có báo cáo bộ phận của Xí nghiệp vận chuyển du lịch quý IV năm 2003 như sau:

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Quý IV năm 2003

Chỉ tiêu	Kinh doanh vận	Kinh doanh dịch	Toàn xí nghiệp
----------	----------------	-----------------	----------------

	chuyển	vụ khác	
1. Doanh thu	463.802.852	85.761.562	549.564.414
2. Biến phí	268.079.620	23.236.251	291.315.871
3. Số dư đảm phí	195.723.232	62.525.311	258.248.543
4. Định phí bộ phận	148.238.285	17.024.548	165.262.833
5. Lợi nhuận bộ phận	47.484.947	45.500.763	92.985.710
6. Định phí chung			81.757.575
7. Lợi nhuận toàn đơn vị			11.228.135
8. Tỷ lệ số dư đảm phí	0,42	0,73	0,47

Nhận xét: Báo cáo bộ phận lập tại Xí nghiệp vận chuyển ở trên cho thấy : trong Quý IV năm 2003, cả hoạt động vận chuyển và hoạt động kinh doanh dịch vụ khác của xí nghiệp đều có hiệu quả (lợi nhuận đạt hơn 40 triệu), nhưng do định phí chung toàn xí nghiệp lớn nên lợi nhuận xí nghiệp trong quý chỉ còn hơn 11 triệu. Trong hai hoạt động kinh doanh của xí nghiệp, thì hoạt động kinh doanh dịch vụ khác có tỷ lệ số dư đảm phí cao hơn hoạt động vận chuyển. Do đó, trong kỳ kinh doanh tới, xí nghiệp nên đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cả hai hoạt động, đặc biệt là hoạt động kinh doanh dịch vụ khác nhằm thu lợi nhuận cao hơn.

IV. Xây dựng báo cáo thu nhập toàn Công ty :

Nhìn chung, tại văn phòng Công ty hiện nay có hai hoạt động chính sau:

- Hoạt động kinh doanh lữ hành như một doanh nghiệp du lịch độc lập. Ngoài ra còn làm đại lý vé máy bay.

- Hoạt động quản lý điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty được thực hiện qua ban giám đốc Công ty, phòng kế toán, phòng tổ chức hành chính Công ty. Chi phí liên quan đến hoạt động này là định phí chung toàn Công ty.

Do đó, để nhà quản lý Công ty có được thông tin tổng quát về tình hình kinh doanh tất cả các đơn vị trong Công ty thì bộ phận kế toán Công ty sau khi nhận được báo cáo bộ phận của các đơn vị trực thuộc, phải tiến hành lập báo cáo thu

nhập toàn Công ty. Nhưng trước hết cần phải phân tích các chi phí phát sinh tại văn phòng thành biến phí, định phí bộ phận và định phí chung.

Chi phí hoạt động kinh doanh lữ hành và hoạt động bán vé máy bay bao gồm các chi phí sau:

+ Hoạt động kinh doanh lữ hành:

- Chi phí mua ngoài dịch vụ lữ hành : Là các chi phí ăn, ở, vận chuyển, vé tham quan ... phát sinh trong các tour du lịch. Chi phí biến đổi theo số lượng khách nên là biến phí. Ngoài ra, chi phí dịch vụ mua ngoài còn bao gồm chi phí điện, điện thoại, fax, internet phát sinh tại các phòng thị trường, phòng hướng dẫn. Chi phí này biến đổi qua các kỳ nên cũng được xem là biến phí.

- Chi phí nhân viên lữ hành : Bao gồm chi phí tiền lương, tiền ăn ca, chi phí trang phục, công tác phí, BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên các phòng thị trường, hướng dẫn viên, nhân viên kế toán theo dõi hoạt động lữ hành tại Công ty. Ngoại trừ tiền công tác phí, các chi phí có bản chất hoàn toàn giống với chi phí nhân viên tại Khách sạn Tre Xanh trung tâm nên nó là định phí. Tiền công tác phí của hướng dẫn viên phụ thuộc vào số lần đi khách trong kỳ nên là biến phí.

- Chi phí công cụ dụng cụ : Là chi phí các loại tài sản có giá trị dưới 5 triệu đồng được sử dụng nhiều lần tại bộ phận lữ hành như quạt, máy in, bàn, kệ hồ sơ... Chi phí này được phân bổ đều qua các kỳ nên là định phí.

- Chi phí khấu hao TSCĐ : Là chi phí khấu hao phòng thị trường 1, thị trường 2, thị trường 3, phòng hướng dẫn. Chi phí này được tính theo công thức đường thẳng nên là định phí.

- Chi phí bằng tiền khác : Là các chi phí về văn phòng phẩm, chi phí gửi thư, báo chí... Chi phí này là biến phí của hoạt động lữ hành.

+ Đại lý vé máy bay: Các chi phí phát sinh tại đại lý vé máy bay bao gồm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí khấu hao phòng bán vé, chi phí phân bổ CCDC, chi phí điện, điện thoại, fax phát sinh tại phòng vé và các chi phí bằng tiền khác. Các chi phí này có bản chất hoàn toàn tương tự như chi phí phát sinh tại các phòng thị

trường. Riêng chi phí giá vốn hàng bán thì phòng vé không theo dõi mà hãng hàng không sẽ theo dõi.

Các chi phí trên được thể hiện qua bảng tổng hợp biến phí, định phí như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG LỮ HÀNH VÀ BÁN VÉ
MÁY BAY TẠI VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý IV năm 2003

Khoản mục chi phí	KD lữ hành	Đại lý vé máy bay	Tổng cộng
1. Biến phí			
+ Chi phí mua ngoài	2.110.673.800	4.567.169	2.115.240.969
+ Công tác phí	92.120.000		92.120.000
+ Chi phí bằng tiền khác	57.731.169	12.421.817	70.152.986
Tổng biến phí	2.260.524.969	16.988.986	2.277.513.955
2. Định phí			
+ Phân bổ chi phí CCDC	13.982.565	2.316.434	16.298.999
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	83.516.434	20.879.109	104.395.543
+ Chi phí nhân viên	85.693.745	24.075.881	109.769.626
Tổng định phí	183.192.744	47.271.423	230.464.167

Chi phí quản lý (chi phí chung) tại văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý : Là chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền ăn ca trang phục của ban giám đốc Công ty, cán bộ phòng tổ chức hành chính, phòng kế toán.

- Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ chi phí CCDC dùng cho quản lý.

- Chi phí văn phòng phẩm.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...)

- Chi phí bằng tiền khác : Như phí ngân hàng, tiền đặt báo, phí gửi thư, chi phí vệ sinh, nước uống...

Tổng cộng định phí chung phát sinh trong quý IV năm 2003 = 347.496.098đ.

Báo cáo thu nhập toàn Công ty được lập trên cơ sở các báo cáo bộ phận của các đơn vị trực thuộc và tình hình kinh doanh tại văn phòng Công ty như sau:

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN CÔNG TY**Quý IV năm 2003**

Chỉ tiêu	Đơn vị					Toàn Công ty
	Xí nghiệp VC-DL	CN Hà Nội	Khách sạn Tre Xanh trung tâm	Văn phòng Công ty	
1. Doanh thu	549.564.414	3.265.154.644	1.989.112.442	4.854.741.415	xxxxxx
2. Biến phí	291.315.871	3.217.556.092	557.598.850,60	2.277.513.955	xxxxxx
3. Số dư đảm phí	258.248.543	47.598.552	1.431.513.591,40	2.577.227.460	xxxxxx
4. Định phí	247.020.408	47.560.966	957.968.328,40	230.464.167	xxxxxx
5. Lợi nhuận đơn vị	11.228.135	28.586	473.545.263,00	2.346.763.293	xxxxxx
6. Định phí chung						347.496.098
7. Lợi nhuận thuần						xxxxxx
8. Tỷ lệ số dư đảm phí	0,47	0,01	0,71	0,53	xxxxxx

Ở mẫu báo cáo trên, các chỉ tiêu doanh thu và biến phí của từng đơn vị được tổng hợp từ số liệu doanh thu và biến phí của các bộ phận trong từng đơn vị đó. Chỉ tiêu định phí là tổng định phí trực tiếp của các bộ phận và định phí chung ở mỗi đơn vị. Chỉ tiêu định phí chung là toàn bộ định phí mang tính chất chi phí quản lý phát sinh tại văn phòng Công ty.

Báo cáo thu thập toàn Công ty ở trên tuy chưa phản ánh đầy đủ tình kết quả kinh doanh của tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty, song qua kết quả của 4 đơn vị trên, ta có một số nhận xét như sau:

- Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty (kinh doanh khách sạn, lữ hành, vận chuyển) thì lĩnh vực kinh doanh khách sạn có tỷ lệ số dư đảm phí cao nhất. Do đó, nếu doanh thu hoạt động này tăng lên thì lợi nhuận tăng rất lớn, nhưng nếu gặp điều kiện không thuận lợi, doanh thu giảm xuống thì hoạt động này sẽ bị thiệt hại rất lớn.

- Hoạt động kinh doanh lữ hành tại văn phòng Công ty tuy có tỷ lệ số dư đảm phí nhỏ hơn như Khách sạn Tre Xanh trung tâm nhưng do có doanh thu cao nên lợi

nhuận tại văn phòng Công ty rất lớn. Đây thực sự là thế mạnh kinh doanh của Công ty.

- Cùng kinh doanh lẫn hành nhưng lợi nhuận chi nhánh Hà Nội nhỏ hơn nhiều so với văn phòng Công ty. Điều này chủ yếu là do biến phí của chi nhánh Hà Nội quá lớn, phản ánh tình hình kinh doanh không có hiệu quả của chi nhánh

KẾT LUẬN

Ở nước ta, kế toán quản trị là một phân hệ kế toán còn khá mới mẻ với nhiều doanh nghiệp. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị hướng tới việc cung cấp thông tin một cách linh hoạt, kịp thời hơn so với báo cáo tài chính. Trong đó, báo cáo bộ phận với những đặc điểm riêng biệt thực sự cần thiết đối với các doanh nghiệp có nhiều đơn vị trực thuộc như Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng.

Xuất phát từ quan điểm này, đề tài đã tập trung vào việc xây dựng hệ thống báo cáo bộ phận tại các đơn vị trực thuộc Công ty. Em hy vọng các báo cáo này sẽ là công cụ hữu ích cho các nhà quản trị Công ty trong việc đánh giá kết quả của từng bộ phận kinh doanh ở từng đơn vị, từ đó đề ra các quyết định hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trên toàn Công ty.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do thời gian nghiên cứu và vốn kiến thức còn nhiều hạn chế nên đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các bạn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của thầy Ngô Hà Tấn cùng các cô chú, anh chị phòng kế toán Công ty và phòng kế toán các đơn vị trực thuộc đã giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, theo qui định của Nhà nước, tất cả các doanh nghiệp theo định kỳ đều phải lập hệ thống báo cáo tài chính. Đây là các báo cáo cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong suốt một thời kỳ, được trình bày theo một mẫu thống nhất. Do đó, trong một số trường hợp, các báo cáo này chưa phản ánh một cách đầy đủ các thông tin cần thiết cho nhà quản lý doanh nghiệp. Trong điều kiện mới của nền kinh tế, phần lớn các doanh nghiệp đều gặp sự cạnh tranh gay gắt từ phía đối thủ. Điều này đòi hỏi nhà quản lý doanh nghiệp phải ra các quyết định kịp thời nhằm có được cơ hội trong kinh doanh. Việc xây dựng các báo cáo kế toán quản trị là một công cụ cung cấp thông tin rất hữu ích giúp nhà quản lý doanh nghiệp đạt được điều này.

Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch lớn trên địa bàn miền Trung. Công ty có nhiều đơn vị trực thuộc, gồm các khách sạn, chi nhánh lữ hành và đơn vị kinh doanh vận chuyển. Với những đặc

điểm như vậy, việc xây dựng các báo cáo bộ phận nhằm giúp cho nhà quản lý Công ty quản lý tốt các đơn vị trực thuộc có ý nghĩa rất lớn với Công ty. Đây chính là lý do em chọn đề tài : “ *Xây dựng hệ thống báo cáo bộ phận phục vụ quản lý nội bộ ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng*” làm đề tài nghiên cứu khoa học.

Đề tài gồm 2 phần:

- Phần I : Sự cần thiết của hệ thống báo cáo bộ phận và thực trạng báo cáo kế toán ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng.

- Phần III : Xây dựng hệ thống bộ phận phục vụ quản lý nội bộ ở Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng.

Do thời gian tìm hiểu và kiến thức còn nhiều hạn chế nên đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để đề tài được hoàn thiện hơn.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 5 năm 2004

Sinh viên thực hiện

Phan Thị Thanh Mai

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán quản trị doanh nghiệp - Đặng Văn Thanh, Đoàn Xuân Tiên, NXB Tài chính, Hà Nội, 1998.
2. Hướng dẫn tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp - Phạm Văn Dược, NXB Thống kê.
3. Kế toán quản trị - Huỳnh Lợi, Nguyễn Khắc Tâm, Võ Văn Nhị, NXB Thống kê.

4. Kế toán quản trị - NXB Tài chính, TP Hồ Chí Minh, 1997.
5. Hướng dẫn lập, đọc, phân tích báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị - Võ Văn Nhị, Đoàn ngọc Quế, Lý Thị Bích Châu, NXB Thống kê.
6. Kế toán chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ - Ngô thế Chi, NXB Thống kê.
7. Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp phần 2 - Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền, NXB Giáo dục.

